



**GALAXY**

LIGHTING SOLUTIONS

Xuất bản bởi  
Galaxyled

© CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THIÊN HÀ

Tất cả quyền được bảo lưu. Nghiêm cấm tái bản toàn bộ hay bất kì phần nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền. Thông tin được trình bày trong tài liệu này là chính xác và đáng tin cậy, không thuộc bất kì báo giá hay hợp đồng nào và có thể thay đổi được mà không cần báo trước.

Chúng tôi, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Thiên Hà, tự hào là một trong số rất ít các doanh nghiệp Việt Nam trực tiếp sản xuất, lắp ráp và phân phối các sản phẩm đèn LED mang thương hiệu Việt - GALAXY LED

## Đối tác công nghệ

LIFUD®

NICHIA

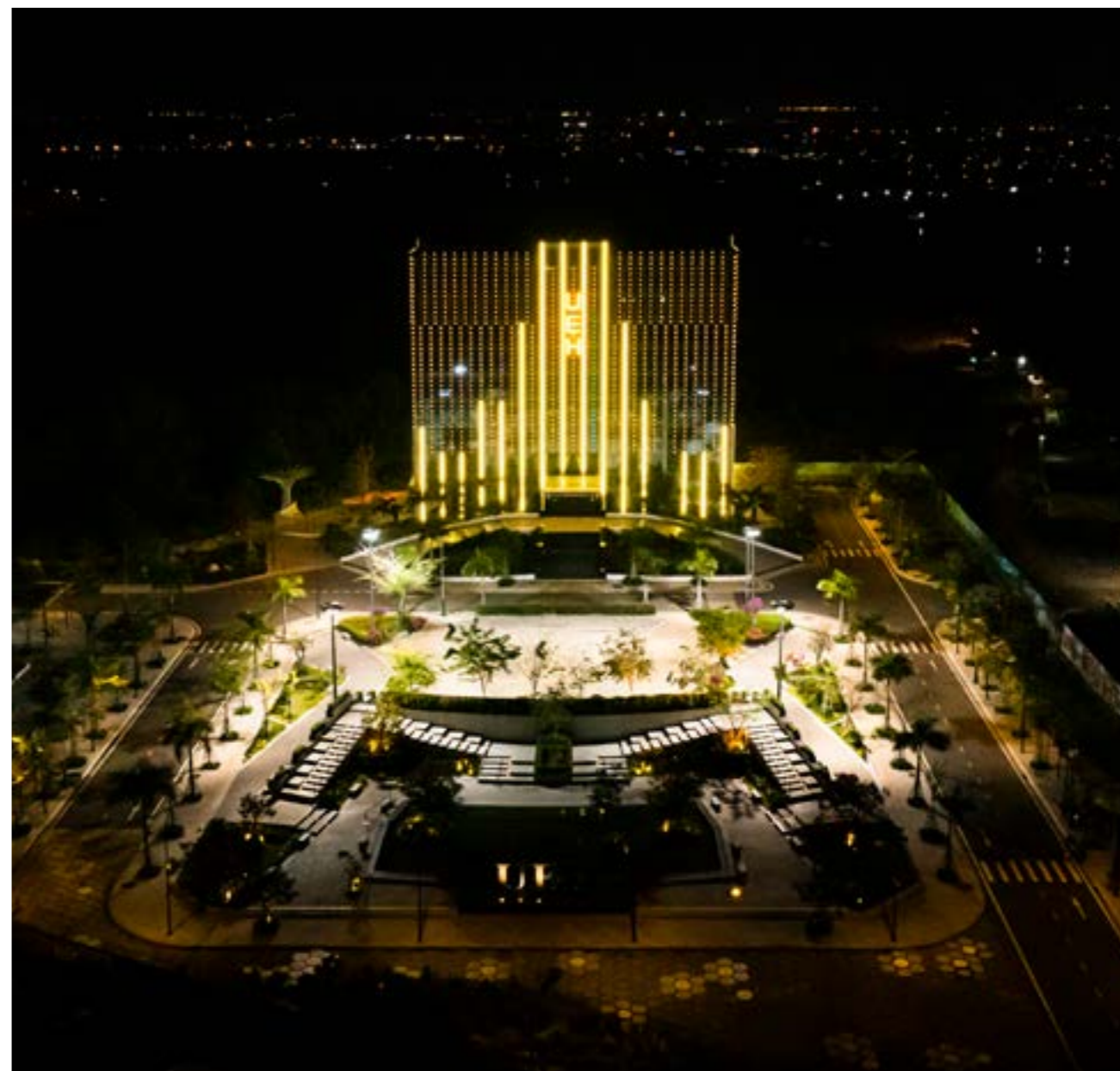
CREE

EPISTAR

BRIDGELUX

SORAA

## Kinh nghiệm dự án



Đại học Kinh Tế - Nam Sài Gòn  
Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh



Cam kết nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua ánh sáng, Galaxy Led từng bước trở thành thương hiệu Led được Chủ Đầu Tư tin dùng



**Tổ hợp Khách sạn và Cao ốc Vân Phong**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**Khách sạn Marina Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



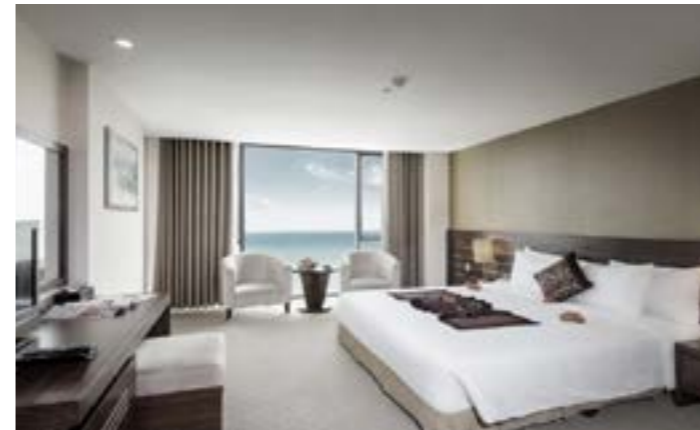
**Khách sạn Nha Trang Palace**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Nhà hàng tiệc cưới Asiana Plaza**  
Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khách sạn Wyndham Legend Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Mường Thanh Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Havana Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Tòa nhà Alphanam Luxury**

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng



**Khách sạn Mường Thanh Luxury Sài Gòn**

Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khách sạn Mường Thanh Phan Thiết**

Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận



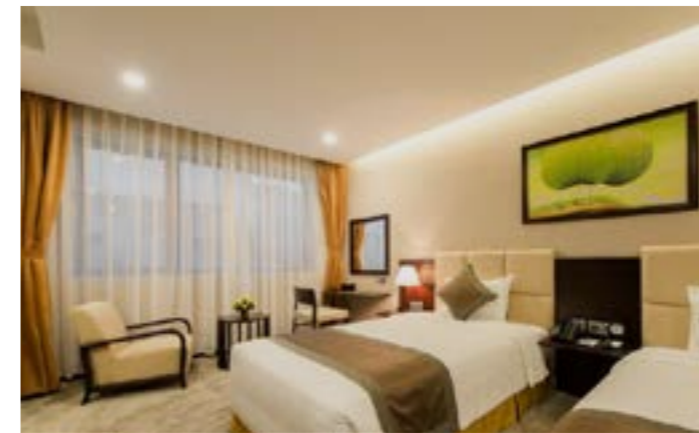
**Khách sạn Dendro Nha Trang**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Regalia Nha Trang**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Mường Thanh Hà Nội**

Quận Hoàn Mai, Thành phố Hà Nội



**Khách sạn Champa**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Kết hợp sáng tạo giữa công nghệ chiếu sáng - tích hợp với thiên nhiên, ánh sáng, con người đưa ra giải pháp chiếu sáng cho không gian sống thư giãn thoải mái



**Khách sạn Sông Nile**  
Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên



**Khách Sạn Em Oi Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Kim Nguyên Apartment**  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khách Sạn La Verte Boutique**  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khách sạn Mường Thanh Phú Quốc**  
Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang



**Khách sạn Biển Xanh**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Iric Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Sanctuary Hồ Tràm**  
Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**Khu nghỉ dưỡng cao cấp và sinh thái Việt Beach**  
Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên



**Khách sạn Phú Cường - Cà Mau**  
Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

**Resort Vouge Nha Trang**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Majestics 2**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khách sạn Anrizon Nha Trang**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Phố Đông Village**

Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khu đô thị lấn biển Phú Cường - Kiên Giang**

Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang



**Khu đô thị Nam Sông Cái**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Khu đô thị Ven Sông Tắc**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Showroom Halo**

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khu đô thị - Nghỉ dưỡng Lotus Cam Ranh**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Hệ thống Showroom Vascara**

Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây



**Showroom SamSung**

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**Showroom Kính Mắt Việt**

AEON Bình Tân, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh



**Showroom Vali Lug**

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



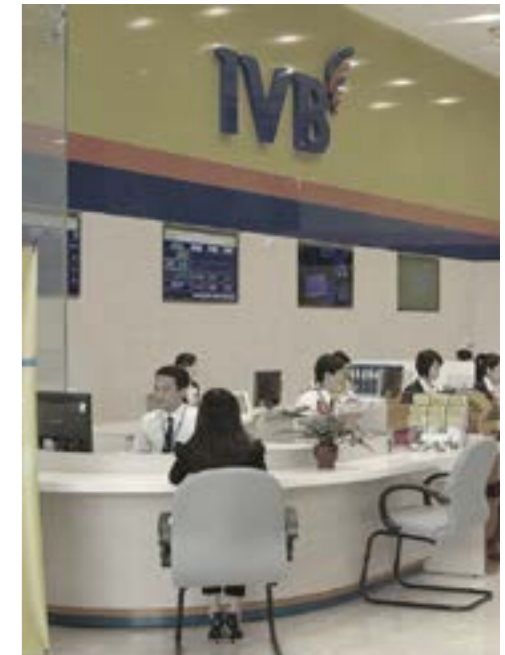
**Hệ thống Cửa hàng Jollibee**

Thành phố Hồ Chí Minh



**Showroom Xe máy Quang Phương**

Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh



**Tòa nhà ngân hàng IVB**

Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh



**Showroom Nệm Liên Á**  
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



**Cầu vượt Ngã Ba Huế**  
 Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng



**Khu công nghiệp VSIP Bình Dương**  
 Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương



**Đại học Kinh Tế - Nguyễn Đình Chiểu**  
 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khu du lịch Trăm Trứng**  
 Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



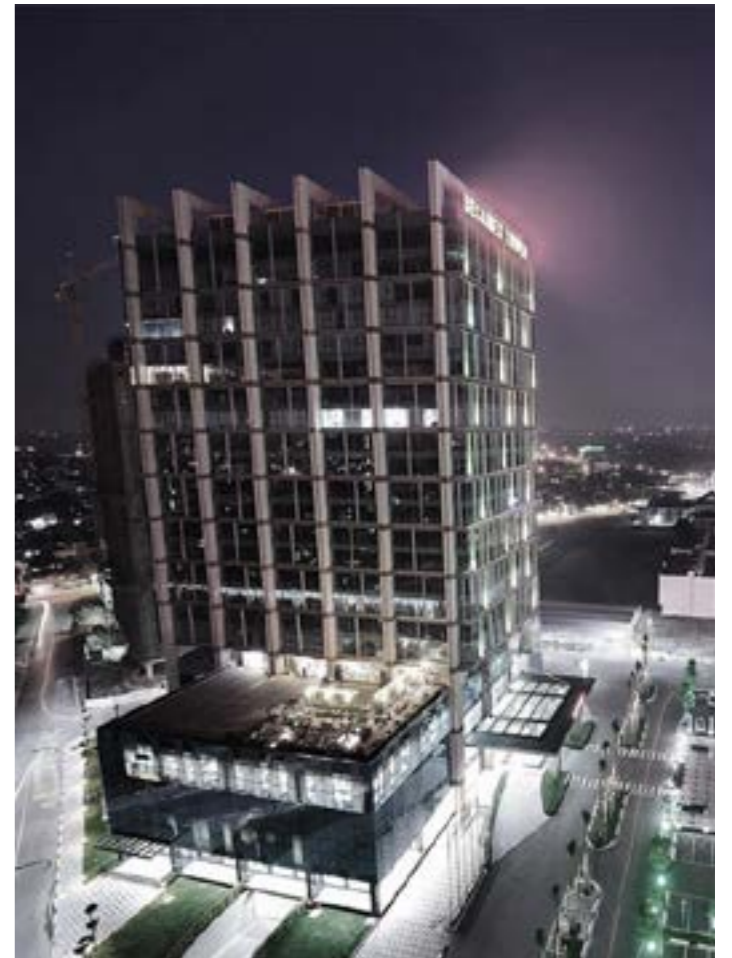
**Quý đầu tư phát triển Bình Dương**  
 Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương



Novaworld Hồ Tràm Bình Châu  
Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



Nhà xưởng nhôm Hoa Sen - Long An  
Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An



Trung tâm thương mại Becamex  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương



Nhà máy nước thải phía Nam Thành phố Nha Trang  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



Cửa hàng xăng dầu Petrolimex  
Thành phố Hà Tĩnh



Nhà máy Cà Phê - Trà Phương Vy  
Khu Công Nghiệp VSIP II, Tỉnh Bình Dương



Nhà hàng Sushi 88  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



**Dự án Cánh Đồng Gió**  
Huyện Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận



**Hệ thống Showroom Sakura**  
Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh  
và khu vực Đắk - Lắk



**Showroom Gốm Sứ Minh Long**  
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh



**Khu dân cư Gamuda Yên Sở- Hà Nội**  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội



**Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An**  
Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An



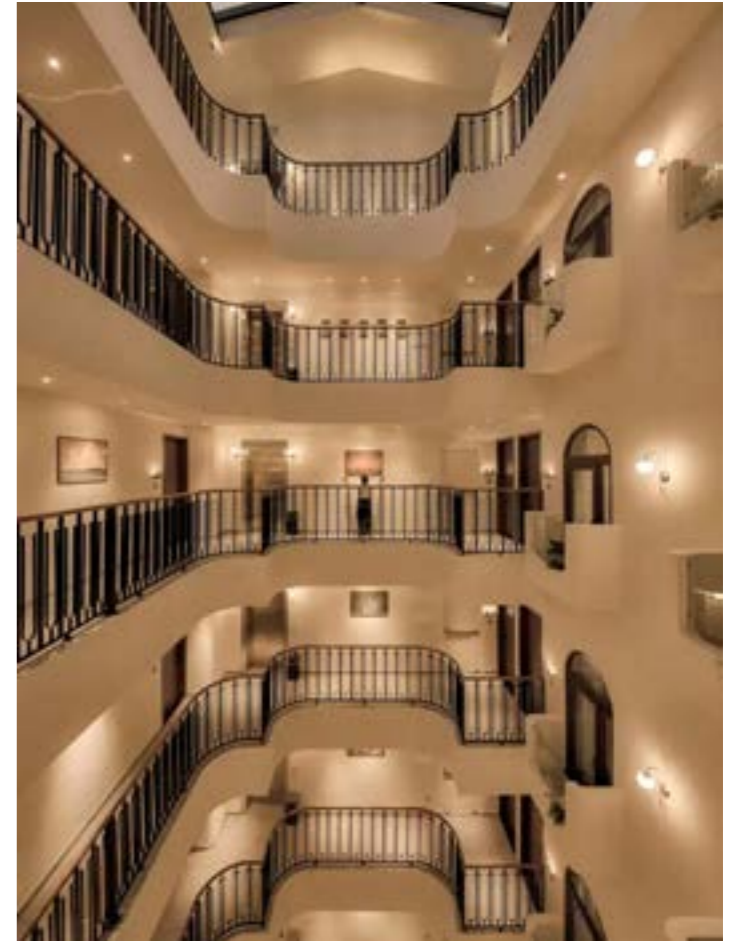
**Văn phòng làm việc Momo**  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



Học Viên âm nhạc và Trình diễn nghệ Thuật SOUL  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



A'dor Café  
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh



Rubens Boutique Phan Thiết  
Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận



Văn phòng công ty Green Solutions  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



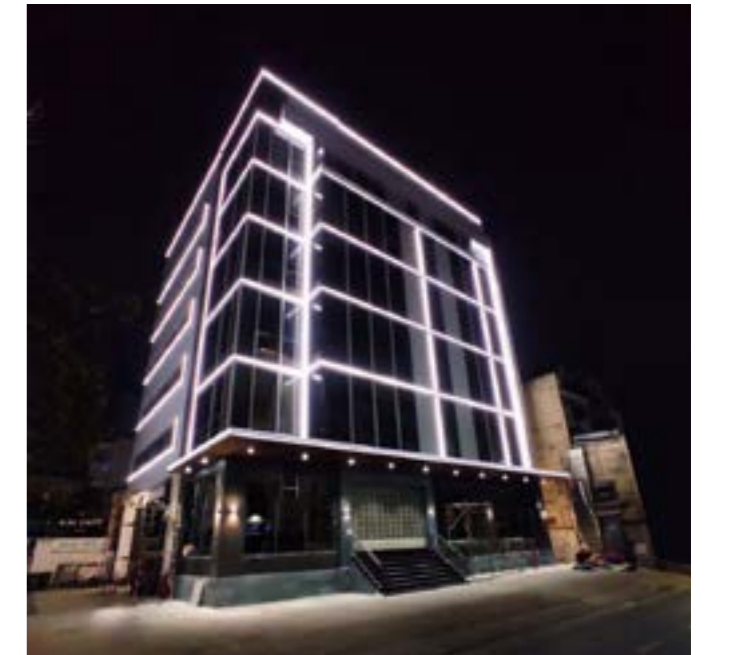
Biệt Thự Lavilla Kiến Á  
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh



Biệt Thự Chateau 3  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



Cotecons Building  
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh



Yeah1 Building  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**TTTM và Khách sạn cao cấp Hilton Hải Phòng**

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng



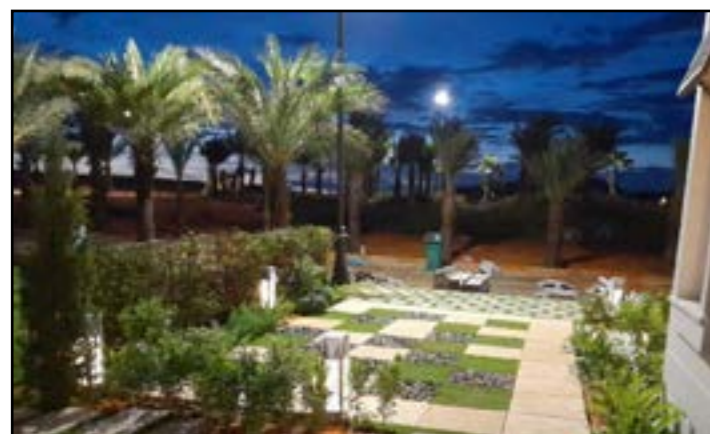
**Tropicana Hồ Tràm**

Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**Biệt thự Sala**

Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh



**Monoco Phan Thiết**

Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận



**Mgallery Hồ Tràm**

Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**Biệt thự Địa Trung Hải**

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Biệt thự Mỹ Kim 1**

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



**Đại học Kinh tế - Nguyễn Tri Phương**  
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh



**Đại học Văn Hiến**  
Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh



**Merry Land Quy Nhơn**  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định



**Nova Beach Cam Ranh**  
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

The Hamptons Hồ Tràm

Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



Carpaccio Italian Restaurant - Cầu Đất Farm

Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng



Nhà hàng Chu Dimsum

Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh



Khách sạn Libra Nha Trang

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



Khách sạn CM Nha Trang

Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Trung tâm hội nghị tiệc cưới Metropole**  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



**Nhà hàng Sushi Tei**  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**Cơ tẩm Mộc**  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**Capella Gallery Hall**  
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh



**Nhà hàng Chill Thái**  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



**Bud's Café**  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Thăng Long Flagship Store  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



Thẩm mỹ viện Bích Hòa  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh



Routine Shop  
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh



Showroom Bentley  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



Khu công nghiệp Hòa dầu - Long Sơn  
Xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



Showroom Volvo  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh



Miki Shop  
Thành phố Hồ Chí Minh



**Khu du lịch Bình Châu**  
Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**Khách sạn Liberty Quy Nhơn**  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định



**Khách sạn Galina Nha Trang**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Trung Nam 18 Building**  
Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh



**Ngân hàng Tiên Phong Hà Nội**  
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội



**Showroom Ngọc Trai Long Beach**  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**Tòa nhà Tân Á Đại Thành**  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội



**KN Paradise**  
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa



**Novaworld Hồ Tràm - Ngân Hiệp 1**  
Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu



**SCMC Clubhouse**  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh




**Adria Workshop**  
T.p Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh




**Bcons PS Apartment**  
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


## Danh mục sản phẩm

Đèn Led Galaxy mang đến cho bạn sự trải nghiệm thú vị về ánh sáng trung thực, tạo ra sự hài hòa, tinh tế và hiện đại trong từng sản phẩm. Các loại đèn Led của Galaxy được tin dùng khắp mọi nơi như các công trình tòa nhà, shop, spa, khách sạn, nhà phố, villa, bệnh viện, trung tâm thương mại,... Là thương hiệu uy tín cho những ai yêu thích ánh sáng đẹp

**1. LED SLIM LIGHT**  
Đèn Led siêu mỏng  42

**2. LED DOWN LIGHT**  
Đèn Led âm trần  52


**3. LED SPOT LIGHT**  
Đèn Led chiếu điểm  68

**4. LED TRACK LIGHT**  
Đèn Led thanh ray  106

**5. LED MAGNETIC LIGHT**  
Đèn Led thanh ray nam châm  120

**6. LED CEILING LIGHT**  
Đèn Led ốp nổi  132

**7. LED WALL LIGHT**  
Đèn tường Led  146

**8. LED STEP LIGHT**  
Đèn Led hắt cầu thang  172

**9. LED UNDERGROUND LIGHT**  
Đèn Led âm sàn  190

**10. LED PROJECT LIGHT**  
Đèn Led ghim cố  212

**11. LED UNDER WATER LIGHT**  
Đèn Led âm nước  230

**12. LED STRING LIGHT**  
Led dây  242

**13. LED DRIVER**  
Nguồn  252

**14. PROFILE**  
Thanh Profile  256

**15. LED PROFILE**  
Đèn Led profile  266

**16. LED FLOOD LIGHT**  
Đèn Led pha  274

**17. LED HIGH BAY LIGHT**  
Đèn Led nhà xưởng  286

**18. LED STREET LIGHT**  
Đèn đường Led  294

**19. LANDSCAPE LIGHTING**  
Đèn trụ sân vườn  302

## 1. Led Slim Light



Nổi bật với độ mỏng dưới 40mm, đèn Led siêu mỏng phù hợp với mọi loại trần, kể cả những không gian có trần nhà thấp tạo nên thuận lợi cho việc thi công lắp đặt và sử dụng

Góc chiếu 120 độ của đèn phù hợp với nhiều không gian và nhu cầu sử dụng. Tấm dẫn sáng được khắc siêu nhỏ giúp ánh sáng tỏa đều, ổn định và không gây chói mắt

Mức tiêu thụ điện năng ít hơn đến 70% so với đèn compact nhờ nguyên lý phát sáng đặc biệt. Ưu điểm này của đèn giúp tiết kiệm năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường

## Danh mục sản phẩm SLI



SLI12

49



SLI05

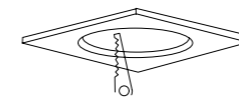
50



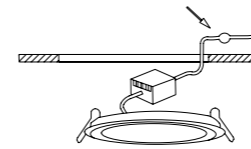
SLI06

51

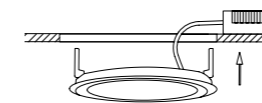
## Quy trình lắp đặt



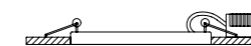
Bước 1: khoét lỗ theo kích thước trên thông số



Bước 2: nối driver vào nguồn



Bước 3: đưa lên trần thạch cao



Bước 4: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Slim Light

### Cấu tạo

Cấu tạo đèn Led siêu mỏng bao gồm: nguồn sáng (chip Led), lớp phát tán ánh sáng, tản nhiệt và bộ Led driver. Bộ tản nhiệt được dập đúc từ hợp kim nhôm khuyến khối, sắc sảo và không kém phần sang trọng

### Tuổi thọ

Độ hoàn màu cao cùng với tuổi thọ lâu dài lên đến 50.000 giờ, đèn âm trần siêu mỏng mang lại nguồn sáng bền vững trong nhiều năm.

### Phạm vi sử dụng

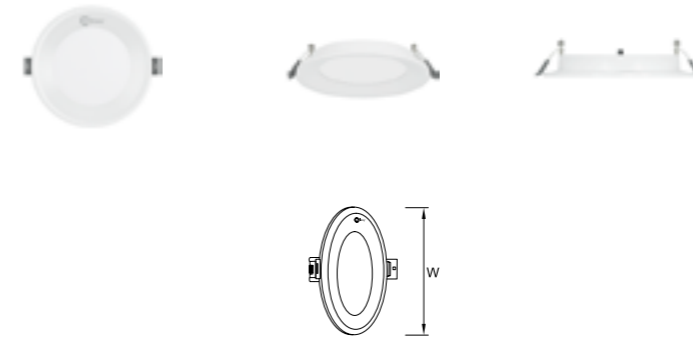
Ứng dụng rộng rãi và đạt hiệu quả cao trong thiết kế chiếu sáng dân dụng và công nghiệp với nguồn ánh sáng chất lượng, tiết kiệm điện vượt trội và tính thẩm mỹ cao và dễ lắp đặt

Quang thông 90Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 9-72W, Góc chiếu 120°, IP21, CRI85+





## SLI12



Mã sản phẩm	SLI12-009
Công suất (W)	9
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø105
Kích thước phủ bì (mm)	ø120*H.20
Quang thông (Lm)	810
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

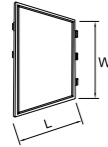
Mã sản phẩm	SLI12-012
Công suất (W)	12
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø125
Kích thước phủ bì (mm)	ø140*H.20
Quang thông (Lm)	1080
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SLI12-016
Công suất (W)	16
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø155
Kích thước phủ bì (mm)	ø170*H.20
Quang thông (Lm)	1440
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SLI12-022
Công suất (W)	22
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø205
Kích thước phủ bì (mm)	ø220*H.20
Quang thông (Lm)	1980
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SLI05



Mã sản phẩm	SLI05-048
Công suất (W)	48
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.595*W.595
Kích thước phủ bì (mm)	L.600*W.600*H.15
Quang thông (Lm)	4320
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SLI06



Mã sản phẩm	SLI06-048	SLI06-072
Công suất (W)	48	72
Chip LED	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	L1195*W295	L.1195*W.595
Kích thước phủ bì (mm)	L.1200*W.300*H.15	L.1200*W.600*H15
Quang thông (Lm)	4320	6480
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## 2. Led Down Light



Đèn Led Down Light được sử dụng chip Led COB với công nghệ hiện đại nhất mang lại hiệu suất phát quang cao, khả năng tập trung chùm ánh sáng giúp tạo điểm nhấn và sự nổi bật cho sản phẩm

Vỏ đèn được thiết kế sắc sảo đến từng chi tiết, kiểu dáng hiện đại, đa dạng sự lựa chọn phù hợp với nhiều lối thiết kế, mang lại tính thẩm mỹ cao cho ngôi nhà bạn

Công nghệ sản xuất hiện đại, đèn Led âm trần tạo ánh sáng chuẩn, độ lệch màu đạt tiêu chuẩn, chất lượng ánh sáng cao, không tia UV, hạn chế tối đa ánh sáng xanh gây hại cho mắt, giúp bảo vệ thị lực toàn diện

## Danh mục sản phẩm DLS



DLS03N 63



DLS04N 64



DLDO4N 65

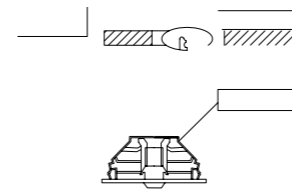


DLS20 66

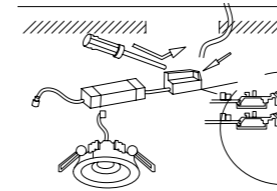


DLS21 67

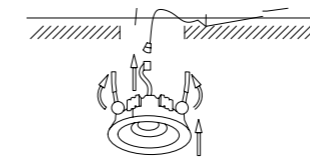
## Quy trình lắp đặt



Bước 1: tắt nguồn điện và khoét lỗ trên trần



Bước 2: kết nối dây nguồn



Bước 3: lắp đặt đèn vào vị trí đã khoét lỗ



Bước 4: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Down Light

### Cấu tạo

Vỏ đèn được làm chủ yếu từ nhôm. Gắn kèm với vỏ đèn là bộ tản nhiệt được đúc từ nhôm nguyên khối cao cấp. Bộ tản nhiệt gồm các lá nhôm giúp tỏa nhiệt nhanh, giúp đảm bảo tuổi thọ cho đèn Led. Mặt đèn được sơn tĩnh điện tạo độ thẩm mỹ cao và chống ố vàng theo thời gian

### Góc chiếu

Góc chiếu rộng 60 độ, dễ dàng đáp ứng được nhu cầu sử dụng của từng không gian chiếu sáng

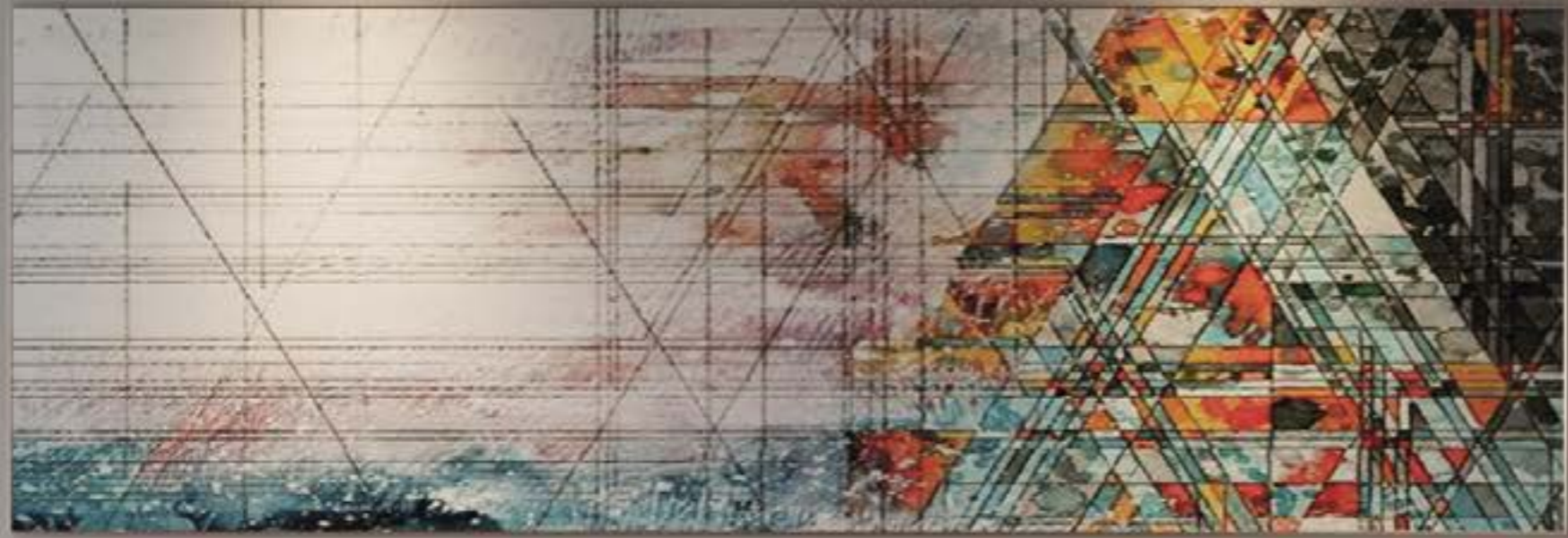
### Phạm vi sử dụng

Bằng tính năng vượt trội, đèn Led âm trần có thể vừa làm đèn chiếu sáng chính vừa làm đèn chiếu điểm, tạo điểm nhấn nổi bật sản phẩm. Đèn rất phù hợp khi lắp tại phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp, nhà tắm, cửa hàng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, ...

Quang thông 105Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 3-30W, Góc chiếu 60°, IP21, CRI90+



Với hệ số hoàn màu cao, ánh sáng từ đèn Led Down Light khiến không gian nội thất gia đình bạn được hiện lên rõ nét, trung thực, tự nhiên thể hiện cá tính, phong cách sống của chủ sở hữu. Ánh sáng sắc nét, chân thật và ổn định, vật thể không bị biến đổi màu sắc dưới ánh sáng của đèn



Kích thước đèn Down Light đa dạng,  
phù hợp cho rất nhiều nhu cầu khác  
nhau của từng không gian kiến trúc



Linh hoạt trong góc chiếu đèn Led Down Light  
tự hào mang đến những không gian chiếu sáng  
ấn tượng, sinh động

Thiết kế đèn đa dạng, bắt mắt hợp thị hiếu tiêu  
dùng, giúp tiết kiệm tối đa diện tích mà vẫn  
đảm bảo hiệu quả phát sáng



## DLS03N



Mã sản phẩm	DLS03N-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø58
Kích thước phủ bì (mm)	ø68*H.58
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS03N-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø78
Kích thước phủ bì (mm)	ø90*H.65
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS03N-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø91
Kích thước phủ bì (mm)	ø108*H.82
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS03N-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø91
Kích thước phủ bì (mm)	ø108*H.82
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

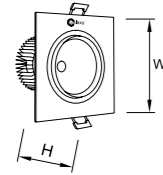
Mã sản phẩm	DLS03N-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø120
Kích thước phủ bì (mm)	ø139*H.95
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS03N-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø120
Kích thước phủ bì (mm)	ø139*H.125
Quang thông (Lm)	2100
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS03N-030
Công suất (W)	30
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø142
Kích thước phủ bì (mm)	ø158*H.145
Quang thông (Lm)	3150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## DLS04N



Mã sản phẩm	DLS04N-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.72*W.72
Kích thước phủ bì (mm)	L.92*W.92*H.60
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS04N-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.72*W.72
Kích thước phủ bì (mm)	L.92*W.92*H.60
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

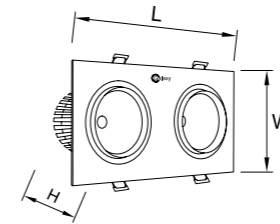
Mã sản phẩm	DLS04N-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.95*W.95
Kích thước phủ bì (mm)	L.120*W.120*H.85
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS04N-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.95*W.95
Kích thước phủ bì (mm)	L.120*W.120*H.85
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS04N-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.118*W.118
Kích thước phủ bì (mm)	L.140*W.140*H.88
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## DLDO4N



Mã sản phẩm	DLDO4N-006
Công suất (W)	2*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.160*W.72
Kích thước phủ bì (mm)	L.180*W.92*H.62
Quang thông (Lm)	630
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLDO4N-010
Công suất (W)	2*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.160*W.72
Kích thước phủ bì (mm)	L.180*W.92*H.62
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

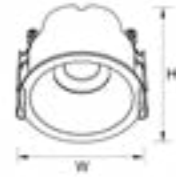
Mã sản phẩm	DLDO4N-014
Công suất (W)	2*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.208*W.95
Kích thước phủ bì (mm)	L.230*W.120*H.85
Quang thông (Lm)	1470
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLDO4N-020
Công suất (W)	2*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.208*W.95
Kích thước phủ bì (mm)	L.230*W.120*H.85
Quang thông (Lm)	2100
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLDO4N-030
Công suất (W)	2*15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.256*W.118
Kích thước phủ bì (mm)	L.272*W.140*H.88
Quang thông (Lm)	3150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## DLS20



Mã sản phẩm	DLS20-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.53
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS20-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.53
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS20-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø88
Kích thước phủ bì (mm)	ø96*H.60
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

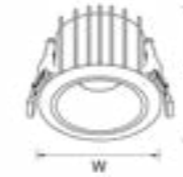
Mã sản phẩm	DLS20-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø88
Kích thước phủ bì (mm)	ø96*H.60
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS20-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø98
Kích thước phủ bì (mm)	ø106*H.64
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS20-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø114
Kích thước phủ bì (mm)	ø123*H.70
Quang thông (Lm)	2100
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## DLS21



Mã sản phẩm	DLS21-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø87*H.58
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS21-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø87*H.58
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS21-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø87*H.58
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS21-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø100
Kích thước phủ bì (mm)	ø110*H.67
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	DLS21-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø100
Kích thước phủ bì (mm)	ø110*H.67
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



### 3. Led Spot Light



Đèn Led Spot Light sử dụng chip COB với công nghệ hiện đại nhất, với thiết kế riêng của mình, Đèn led Spot Light mang đến ánh sáng chiếu điểm tập trung vào một khu vực nhất định với công suất nhỏ, đủ để cung cấp ánh sáng với mục đích làm nổi bật vật thể.

Với thiết kế nhỏ gọn cùng các len đèn độc đáo, linh hoạt xoay chuyển, điều chỉnh được góc độ chiếu sáng phù hợp với nhu cầu trang trí của mỗi không gian, tạo chiều sâu và độ sang trọng cho không gian

Ánh sáng của đèn sắc nét, liên tục, chân thật và ổn định. Vật thể không bị biến đổi màu sắc dưới ánh sáng của đèn

## Danh mục sản phẩm SPL



SP07N 87



SPL54 92



SPL55 93



SPL51 89



SPL56 94



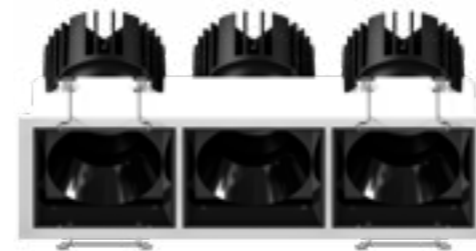
SPD56 95



SPL50 88



SPL53 91



SPT56 96



SPF56 97



SPL52 90



SPL57 98



SPD57 99



SPL58 102



SPL60 105



SPT57 100



SPF57 101



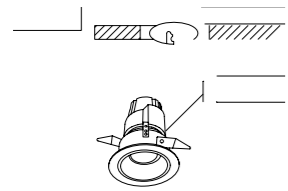
SPL59 103



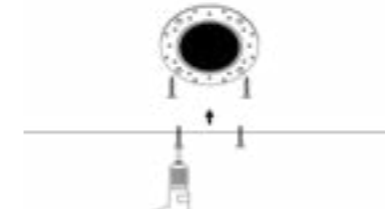
SPD59 104

## Quy trình lắp đặt

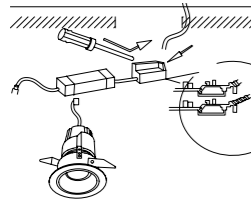
## Quy trình lắp đặt - Đèn Led không viền



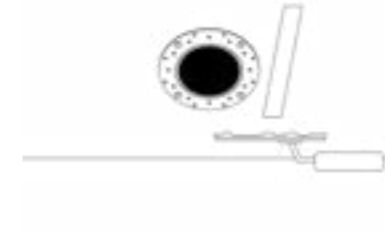
Bước 1: tắt nguồn điện và khoét lỗ trên trần



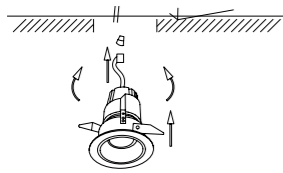
Bước 1: tắt nguồn điện, khoét lỗ trên trần và cố định khung viền



Bước 2: kết nối dây nguồn



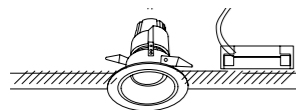
Bước 2: bả trần và sơn nước trần thạch cao



Bước 3: lắp đặt đèn vào vị trí đã khoét lỗ



Bước 3: kết nối dây nguồn và đưa đèn lên trần



Bước 4: kiểm tra lại đèn và sử dụng



Bước 4: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Spot Light

### Cấu tạo

Đèn Led Spot Light với thân hợp kim nhôm tích hợp với chip led bên trong tạo module nguồn sáng có cấu trúc nhỏ gọn, chắc chắn. Mặt đèn được sơn tĩnh điện với khâu hoàn thiện bề mặt tỉ mỉ làm nổi bật các tông màu trong không gian

### Thấu kính

Thấu kính quang học góc chiếu từ 15 - 36 độ linh hoạt giúp đèn tạo ra chùm sáng với hiệu ứng nổi bật, ánh sáng chân thật mềm mại và đẹp mắt

### Phạm vi sử dụng

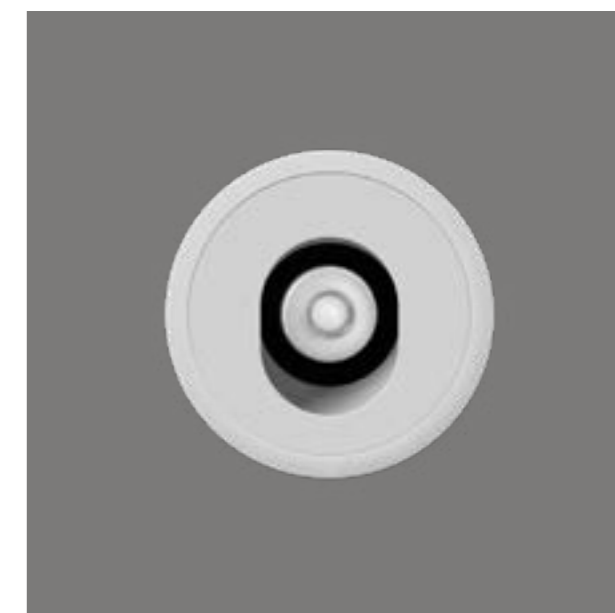
Đèn Led Spot Light trở thành lựa chọn hàng đầu phục vụ nhu cầu trưng bày sản phẩm tại cửa hàng, viện bảo tàng,... Bởi góc xoay có khả năng tùy biến linh hoạt tạo điểm nhấn cho sản phẩm, giúp cho việc trưng bày sản phẩm một cách bắt mắt và nổi bật nhất

Quang thông lên đến 115Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 3-40W, Góc chiếu 15-36°, IP21, CRI95+





Nổi bật với thiết kế nhỏ gọn mang lại tính thẩm mỹ cao, vừa giúp nổi bật không gian vừa tăng tính thẩm mỹ, đèn Led Spot Light trở thành lựa chọn tối ưu cho những không gian cần sự sang trọng, tạo chiều sâu thêm sinh động





Thiết kế module thay thế linh hoạt cùng khả năng điều chỉnh hướng ánh sáng với vành xoay 30 độ giúp tái tạo và cung cấp nguồn ánh sáng lung linh hơn. Kết hợp cùng với chóa đèn sâu hạn chế tối đa độ chói, đèn có thể lắp đặt ở bất cứ vị trí nào trong không gian chiếu sáng.



Đèn Led âm trần không viền đang trở thành xu hướng trong thiết kế chiếu sáng hiện nay. Với công nghệ sản xuất hiện đại, đèn Led âm trần không viền tạo ánh sáng chuẩn, chất lượng cao, không tia Uv, không ánh sáng xanh gây hại cho mắt, giúp bảo vệ thị lực toàn diện. Hơn nữa thiết kế không viền đặc sắc, đa dạng sự lựa chọn phù hợp với nhiều lối thiết kế, mang lại tính thẩm mỹ cao cho ngôi nhà



Kết hợp nhiều đèn cùng với các góc chiếu khác nhau, ánh sáng tập trung tốt hơn tạo ra sự nổi bật trong không gian và những đồ vật được chiếu sáng

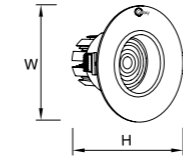


Sự kết hợp giữa phản xạ ánh sáng với góc chiếu được tính toán cẩn thận đèn tạo ra ánh sáng gần với ánh sáng tự nhiên nhất, cung cấp một không gian thoải mái cho mọi người





## SPL07N



Mã sản phẩm	SPL07N-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.106
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

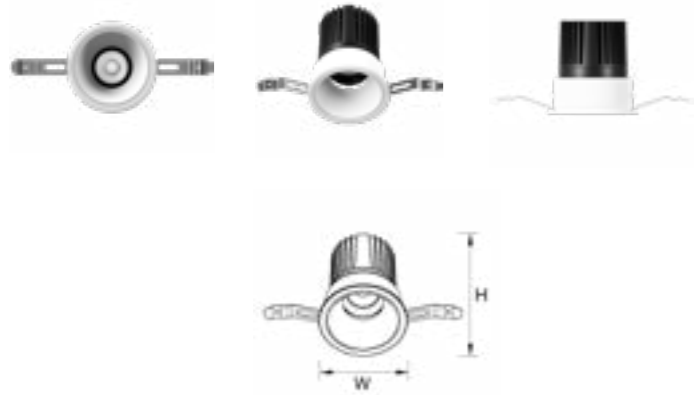
Mã sản phẩm	SPL07N-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.106
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL07N-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.115
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL07N-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.115
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPL50



Mã sản phẩm	SPL50-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56
Kích thước phủ bì (mm)	ø62*H.90
Quang thông (Lm)	345
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL50-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56
Kích thước phủ bì (mm)	ø62*H.90
Quang thông (Lm)	575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL50-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.86
Quang thông (Lm)	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

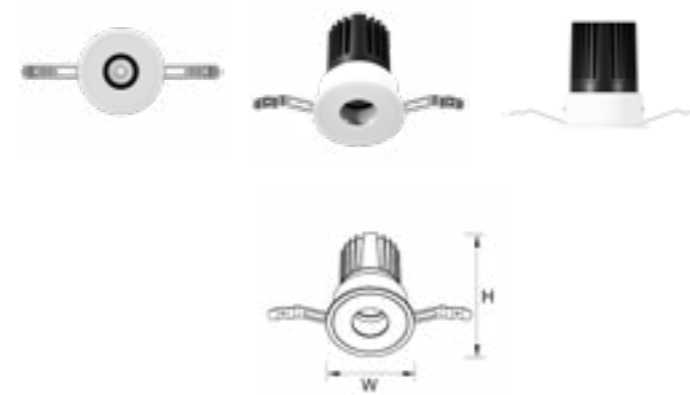
Mã sản phẩm	SPL50-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.86
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL50-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø97
Kích thước phủ bì (mm)	ø106*H.110
Quang thông (Lm)	1725
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL50-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø97
Kích thước phủ bì (mm)	ø106*H.131
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPL51



Mã sản phẩm	SPL51-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56
Kích thước phủ bì (mm)	ø62*H.90
Quang thông (Lm)	345
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

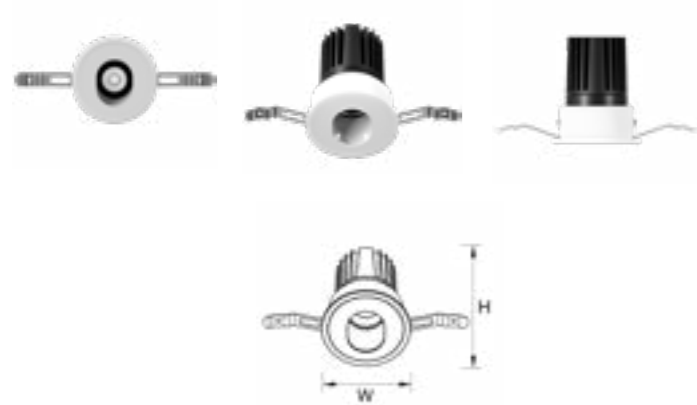
Mã sản phẩm	SPL51-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56
Kích thước phủ bì (mm)	ø62*H.90
Quang thông (Lm)	575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL51-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.86
Quang thông (Lm)	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL51-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.86
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



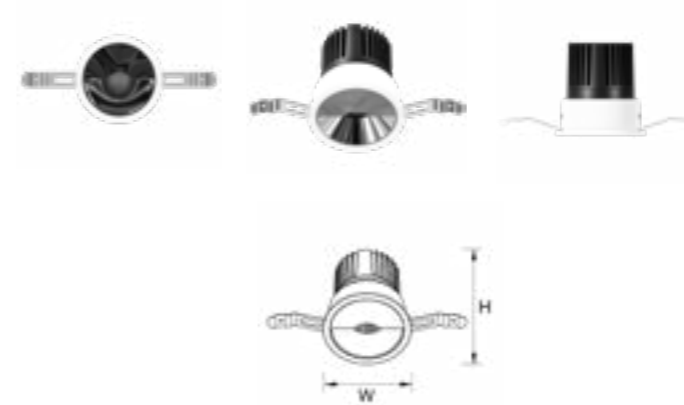
## SPL52



Mã sản phẩm	SPL52-007	SPL52-010
Công suất (W)	7	10
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75	ø75
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.86	ø82*H.86
Quang thông (Lm)	805	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## SPL53

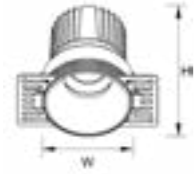


Mã sản phẩm	SPL53-007	SPL53-010	SPL53-015
Công suất (W)	7	10	15
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75	ø75	ø97
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.86	ø82*H.86	ø106*H.110
Quang thông (Lm)	805	1150	1725
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL53-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø97
Kích thước phủ bì (mm)	ø106*H.131
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPL54

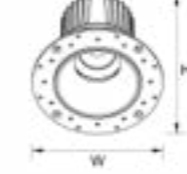


Mã sản phẩm	SPL54-003	SPL54-005	SPL54-007
Công suất (W)	3	5	7
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø60	ø60	ø82
Kích thước phủ bì (mm)	ø53*H.90	ø53*H.90	ø73*H.86
Quang thông (Lm)	345	575	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL54-010	SPL54-015	SPL54-020
Công suất (W)	10	15	20
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø82	ø102	ø102
Kích thước phủ bì (mm)	ø73*H.86	ø93*H.110	ø93*H.131
Quang thông (Lm)	1150	1725	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## SPL55



Mã sản phẩm	SPL55-003	SPL55-005	SPL55-007
Công suất (W)	3	5	7
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56	ø56	ø77
Kích thước phủ bì (mm)	ø85*H.90	ø85*H.90	ø108*H.86
Quang thông (Lm)	345	575	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL55-010	SPL55-015	SPL55-020
Công suất (W)	10	15	20
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø77	ø95	ø95
Kích thước phủ bì (mm)	ø108*H.86	ø131*H.110	ø131*H.131
Quang thông (Lm)	1150	1725	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## SPL56



Mã sản phẩm	SPL56-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.56*W.56
Kích thước phủ bì (mm)	L.62*W.62*H.91
Quang thông (Lm)	345
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL56-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.56*W.56
Kích thước phủ bì (mm)	L.62*W.62*H.91
Quang thông (Lm)	575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL56-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.76*W.76
Kích thước phủ bì (mm)	L.85*W.85*H.88
Quang thông (Lm)	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

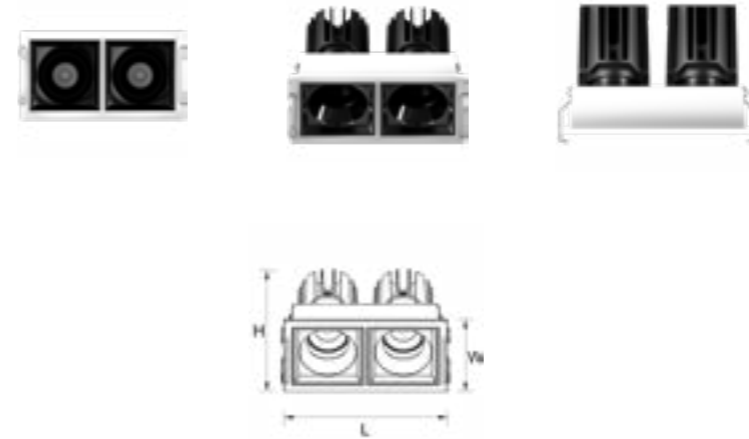
Mã sản phẩm	SPL56-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.76*W.76
Kích thước phủ bì (mm)	L.85*W.85*H.88
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL56-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.96*W.96
Kích thước phủ bì (mm)	L.103*W.103*H.116
Quang thông (Lm)	1725
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL56-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.96*W.96
Kích thước phủ bì (mm)	L.103*W.103*H.136
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPD56



Mã sản phẩm	SPD56-006
Công suất (W)	2*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.109*W.55
Kích thước phủ bì (mm)	L.115*W.62*H.91
Quang thông (Lm)	690
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

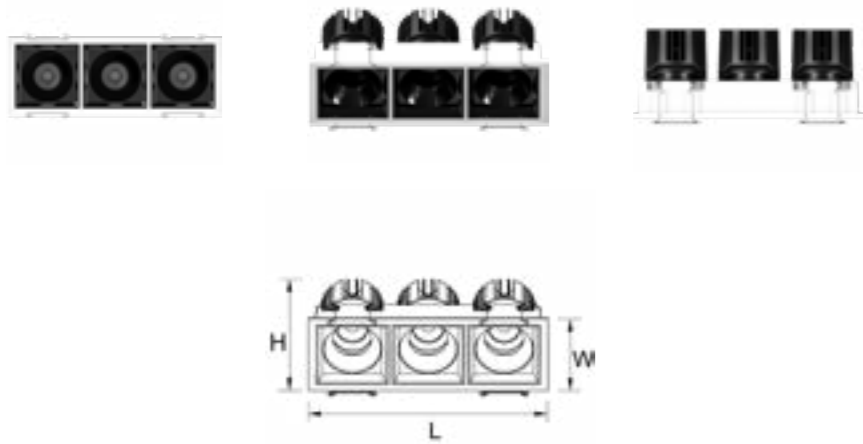
Mã sản phẩm	SPD56-010
Công suất (W)	2*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.109*W.55
Kích thước phủ bì (mm)	L.115*W.62*H.91
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPD56-014
Công suất (W)	2*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.151*W.75
Kích thước phủ bì (mm)	L.159*W.85*H.88
Quang thông (Lm)	1610
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPD56-020
Công suất (W)	2*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.151*W.75
Kích thước phủ bì (mm)	L.159*W.85*H.88
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPT56



Mã sản phẩm	SPT56-009
Công suất (W)	3*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.163*W.56
Kích thước phủ bì (mm)	L.170*W.62*H.91
Quang thông (Lm)	1035
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

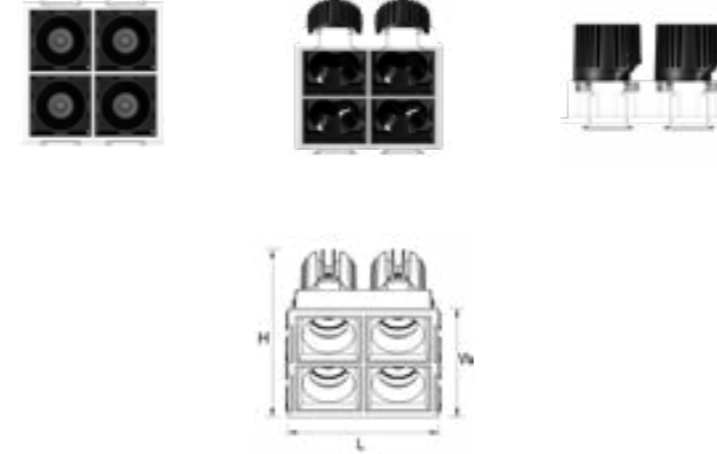
Mã sản phẩm	SPT56-015
Công suất (W)	3*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.163*W.56
Kích thước phủ bì (mm)	L.170*W.62*H.91
Quang thông (Lm)	1725
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPT56-021
Công suất (W)	3*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.224*W.76
Kích thước phủ bì (mm)	L.233*W.85*H.88
Quang thông (Lm)	2415
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPT56-030
Công suất (W)	3*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.224*W.76
Kích thước phủ bì (mm)	L.233*W.85*H.88
Quang thông (Lm)	3450
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPF56



Mã sản phẩm	SPF56-012
Công suất (W)	4*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.109*W.109
Kích thước phủ bì (mm)	L.115*W.115*H.91
Quang thông (Lm)	1380
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

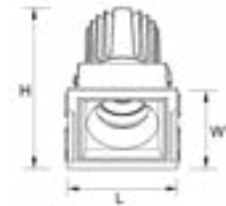
Mã sản phẩm	SPF56-020
Công suất (W)	4*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.109*W.109
Kích thước phủ bì (mm)	L.115*W.115*H.91
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPF56-028
Công suất (W)	4*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.151*W.151
Kích thước phủ bì (mm)	L.158*W.158*H.88
Quang thông (Lm)	3220
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPF56-040
Công suất (W)	4*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.151*W.151
Kích thước phủ bì (mm)	L.158*W.158*H.88
Quang thông (Lm)	4600
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPL57



Mã sản phẩm	SPL57-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.59*W.59
Kích thước phủ bì (mm)	L.54*W.54*H.91
Quang thông (Lm)	345
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL57-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.59*W.59
Kích thước phủ bì (mm)	L.54*W.54*H.91
Quang thông (Lm)	575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL57-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.79*W.79
Kích thước phủ bì (mm)	L.75*W.75*H.88
Quang thông (Lm)	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

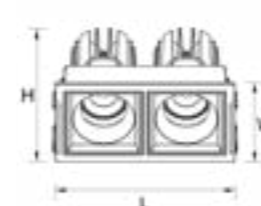
Mã sản phẩm	SPL57-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.79*W.79
Kích thước phủ bì (mm)	L.75*W.75*H.88
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL57-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.100*W.100
Kích thước phủ bì (mm)	L.94*W.94*H.116
Quang thông (Lm)	1725
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL57-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.100*W.100
Kích thước phủ bì (mm)	L.94*W.94*H.136
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPD57



Mã sản phẩm	SPD57-006
Công suất (W)	2*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.114*W.55
Kích thước phủ bì (mm)	L.107*W.54*H.91
Quang thông (Lm)	690
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

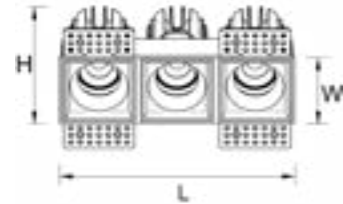
Mã sản phẩm	SPD57-010
Công suất (W)	2*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.114*W.55
Kích thước phủ bì (mm)	L.107*W.54*H.91
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPD57-014
Công suất (W)	2*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.155*W.75
Kích thước phủ bì (mm)	L.148*W.74*H.88
Quang thông (Lm)	1610
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPD57-020
Công suất (W)	2*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.155*W.75
Kích thước phủ bì (mm)	L.148*W.74*H.88
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPT57



Mã sản phẩm	SPT57-009
Công suất (W)	3*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.162*W.60
Kích thước phủ bì (mm)	L.161*W.53*H.91
Quang thông (Lm)	1035
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

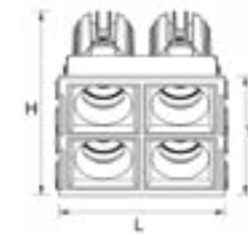
Mã sản phẩm	SPT57-015
Công suất (W)	3*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.162*W.60
Kích thước phủ bì (mm)	L.161*W.53*H.91
Quang thông (Lm)	1725
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPT57-021
Công suất (W)	3*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.223*W.82
Kích thước phủ bì (mm)	L.222*W.74*H.88
Quang thông (Lm)	2415
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPT57-030
Công suất (W)	3*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.223*W.82
Kích thước phủ bì (mm)	L.222*W.74*H.88
Quang thông (Lm)	3450
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPF57



Mã sản phẩm	SPF57-012
Công suất (W)	4*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.114*W.108
Kích thước phủ bì (mm)	L.108*W.108*H.91
Quang thông (Lm)	1380
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPF57-020
Công suất (W)	4*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.114*W.108
Kích thước phủ bì (mm)	L.108*W.108*H.91
Quang thông (Lm)	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPF57-028
Công suất (W)	4*7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.155*W.150
Kích thước phủ bì (mm)	L.149*W.149*H.88
Quang thông (Lm)	3220
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPF57-040
Công suất (W)	4*10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.155*W.150
Kích thước phủ bì (mm)	L.149*W.149*H.88
Quang thông (Lm)	4600
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPL58



Mã sản phẩm	SPL58-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56
Kích thước phủ bì (mm)	ø62*H.77
Quang thông (Lm)	345
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL58-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø56
Kích thước phủ bì (mm)	ø62*H.77
Quang thông (Lm)	575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL58-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø76
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.100
Quang thông (Lm)	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL58-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø76
Kích thước phủ bì (mm)	ø82*H.100
Quang thông (Lm)	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPL59



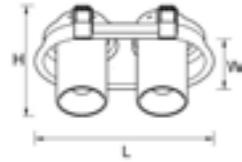
Mã sản phẩm	SPL59-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø85*H.60
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.88
Quang thông (Lm)	345
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL59-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø85*H.60
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.88
Quang thông (Lm)	575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	SPL59-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø85*H.60
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.88
Quang thông (Lm)	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## SPD59



Mã sản phẩm	SPD59-006	SPD59-010	SPD59-014
Công suất (W)	2*3	2*5	2*7
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.160*W.85*H.60	L.160*W.85*H.60	L.160*W.85*H.60
Kích thước phủ bì (mm)	L.168*W*92*H.88	L.168*W*92*H.88	L.168*W*92*H.88
Quang thông (Lm)	690	1150	1610
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## SPL60



Mã sản phẩm	SPL60-003	SPL60-005	SPL60-007
Công suất (W)	3	5	7
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø85*H.60	ø85*H.60	ø85*H.60
Kích thước phủ bì (mm)	ø92*H.200	ø92*H.200	ø92*H.200
Quang thông (Lm)	345	575	805
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT	3000; 4000; 5000; CCT
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



#### 4. Led Track Light



Đèn Led chiếu điểm thanh ray là một trong những thiết bị chiếu sáng chuyên dụng, có thiết kế hiện đại, kiểu dáng bắt mắt. Sở hữu nhiều ưu điểm nổi trội, đèn Led thanh ray là giải pháp chiếu sáng hoàn hảo và phù hợp với nhiều không gian khác nhau

Cấu tạo đặc biệt có thể điều chỉnh hướng sáng cũng như dễ dàng di chuyển dọc thanh ray. Vì vậy mà người dùng có thể cung cấp nguồn ánh sáng phân tách hay tập trung tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng

Đèn có thể di chuyển linh hoạt trên thanh ray nhờ 2 bass khóa được tích hợp phía đuôi đèn

## Danh mục sản phẩm TRL



TRL18

116



TRL26

117



TRL27

118



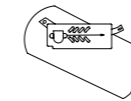
TRL28

119

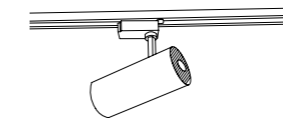
## Quy trình lắp đặt



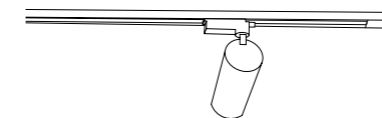
Bước 1: luồn dây nguồn qua và bắt vít vào 2 cực bên trong hộp



Bước 2: kiểm tra phần chân đèn



Bước 3: cài chân đèn vào thanh ray sau đó bịt đầu còn lại của thanh ray



Bước 4: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Track Light

Quang thông 105Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 3-30W, Góc chiếu 15-60°, IP21 CRI 90+



### Cấu tạo

Vỏ đèn được sản xuất từ hợp kim nhôm sơn tĩnh điện với 2 màu chủ đạo là đen và trắng, mặt đèn được làm từ kính, đảm bảo khả năng hạn chế hồng ngoại khi bị va đập, rơi

### Góc chiếu

Góc chiếu 15-60 độ cùng tiện ích góc xoay 360 độ, giúp người dùng dễ dàng điều chỉnh hướng sáng theo nhu cầu sử dụng, nâng cao hiệu quả trang trí, phù hợp với đa số các phong cách thiết kế chiếu sáng

### Phạm vi sử dụng

Đèn Led thanh ray phù hợp với những không gian chiếu sáng indoor trang trí tạo điểm nhấn: trang trí nội thất gia đình; chiếu sáng sản phẩm trong các siêu thị hay shop bán hàng, ...

Đèn Led thanh ray có thể thay đổi để ray thành đế ốp nổi, thậm chí là đế âm trần, đa dạng và phù hợp với tất cả vị trí trong không gian chiếu sáng



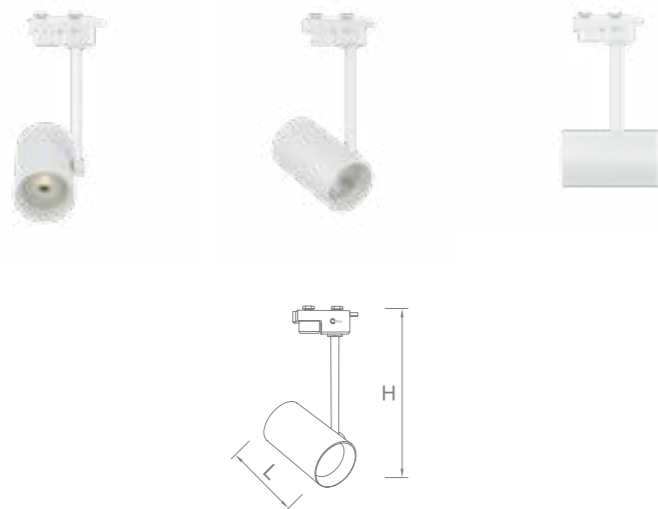


Sở hữu nhiều ưu điểm đèn Led thanh ray trở thành giải pháp hoàn hảo cho những không gian khác nhau, mang lại vẻ hiện đại, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, nâng cao thẩm mỹ tổng thể và cảm xúc cho không gian chiếu sáng





## TRL18



Mã sản phẩm	TRL18-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø55*L.160
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL18-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø55*L.160
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## TRL26



Mã sản phẩm	TRL26-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø50*L.130
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL26-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø65*L.156
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



Mã sản phẩm	TRL26-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø50*L.130
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL26-007	TRL26-010
Công suất (W)	7	10
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø50*L.130	ø65*L.156
Quang thông (Lm)	735	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL26-020	TRL26-030
Công suất (W)	20	30
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø77*L.180	ø77*L.180
Quang thông (Lm)	2100	3150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60

## TRL27



Mã sản phẩm	TRL27-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø55*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø50*L.130
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL27-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø55*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø50*L.130
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL27-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø55*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø50*L.130
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL27-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø65*L.156
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

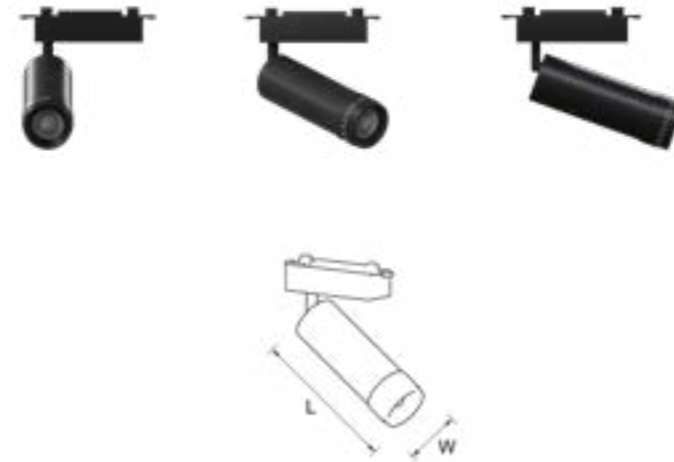
Mã sản phẩm	TRL27-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø75*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø65*L.156
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL27-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø95*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø77*L.180
Quang thông (Lm)	2100
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL27-030
Công suất (W)	30
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø95*H.35
Kích thước phủ bì (mm)	ø77*L.180
Quang thông (Lm)	3150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## TRL28



Mã sản phẩm	TRL28-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø48*L.130
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL28-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø48*L.130
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL28-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø48*L.130
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL28-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø58*L.152
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL28-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø58*L.152
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	TRL28-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø68*L.157
Quang thông (Lm)	2100
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## 5. Led Magnetic Light



Thiết kế nhỏ gọn, đạt độ thẩm mỹ cao, hệ ray nam châm trở thành loại đèn Led cao cấp dẫn đầu xu hướng chiếu sáng. Không chỉ đem đến những trải nghiệm về tính năng chiếu sáng tuyệt vời, mà còn lắp đặt thuận tiện, thiết kế tinh tế nâng cao giá trị cho cả không gian chiếu sáng

Có thể sử dụng nhiều loại đèn trên cùng 1 hệ ray, ngoài ra đèn còn có thể tháo lắp và di chuyển dễ dàng trên thanh ray. Là giải pháp chiếu sáng tuyệt vời cho không gian chiếu sáng với nhiều sự tiện lợi và độ thẩm mỹ mà đèn mang lại

## Danh mục sản phẩm MGL



MGL01

128



MGL02

129



MGL03

130



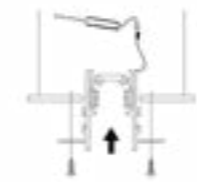
MGL04

131

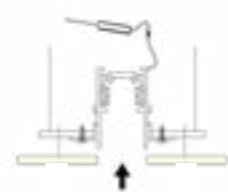
## Quy trình lắp đặt



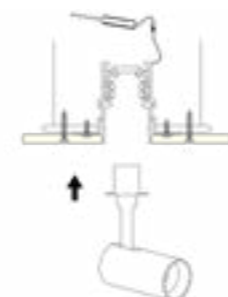
Bước 1: xác định vị trí lắp đèn led ray nam châm



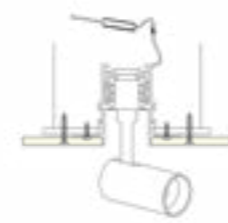
Bước 2: kết nối dây nguồn và tiến hành khoan vít cố định thanh ray vào khung nhôm



Bước 3: bả trần và sơn nước trần thạch cao



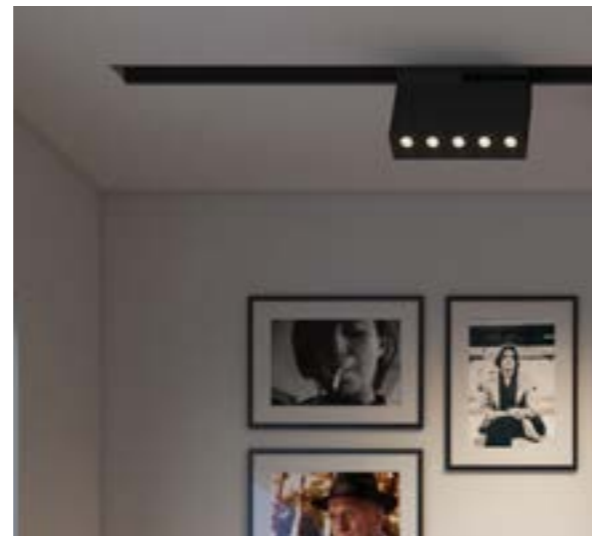
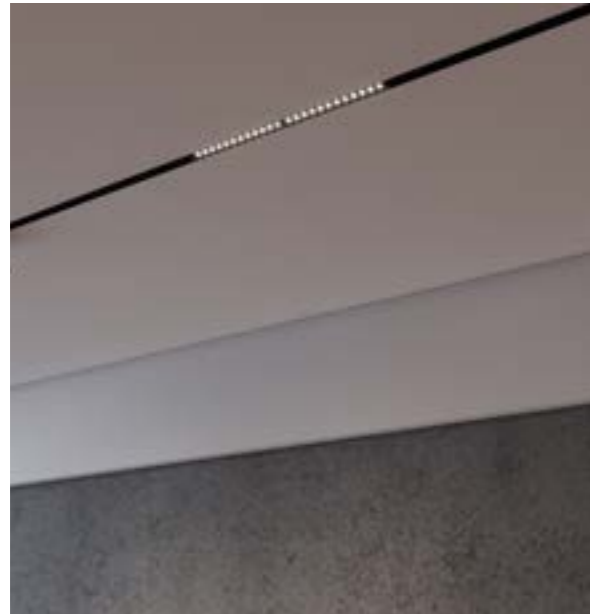
Bước 4: đưa đèn lên thanh ray nam châm



Bước 5: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Magnetic Light

Quang thông 90Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 6-20W, Góc chiếu 15-120°, IP21 CRI 90+



### Cấu tạo

Vỏ đèn được sản xuất từ hợp kim nhôm sơn tĩnh điện với màu sắc chủ đạo chính là màu đen, đèn có nhiều kiểu dáng khác nhau. Có thể sử dụng cho tất cả các loại trần nhà khi dòng đèn này sở hữu hệ thống ray âm, ray nổi và cả ray treo thả trần

### Góc chiếu

Góc chiếu 15-120 độ cùng tiện ích góc xoay 360 độ, giúp người dùng dễ dàng điều chỉnh hướng sáng theo nhu cầu sử dụng, nâng cao hiệu quả chiếu sáng và trang trí, phù hợp với lối kiến trúc hiện đại, trang nhã, là sản phẩm mang tính thời trang cao

### Phạm vi sử dụng

Đèn Led thanh ray nam châm rất được ưa chuộng trong các lối kiến trúc hiện đại. Đèn phù hợp với những không gian chiếu sáng indoor, vừa có thể dùng làm ánh sáng chính cũng như dùng để chiếu điểm, hơn nữa còn có thể trở thành đèn trang trí cho không gian nhà bạn

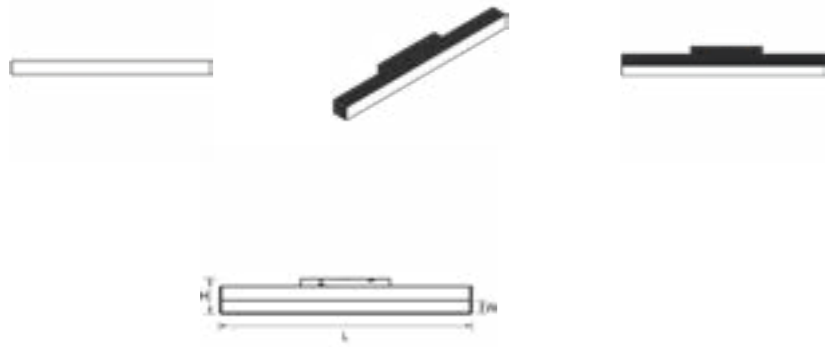


Thiết kế nhỏ gọn, đạt độ thẩm mỹ cao, hệ ray nam châm trở thành loại đèn Led cao cấp dẫn đầu xu hướng chiếu sáng. Không chỉ đem đến những trải nghiệm về tính năng chiếu sáng tuyệt vời, mà còn lắp đặt thuận tiện, thiết kế tinh tế nâng cao giá trị của đèn



Ngoài việc sở hữu nhiều ưu điểm vượt trội, đèn Led thanh ray nam châm sử dụng nguồn điện DC48V, cực kỳ an toàn cho người sử dụng

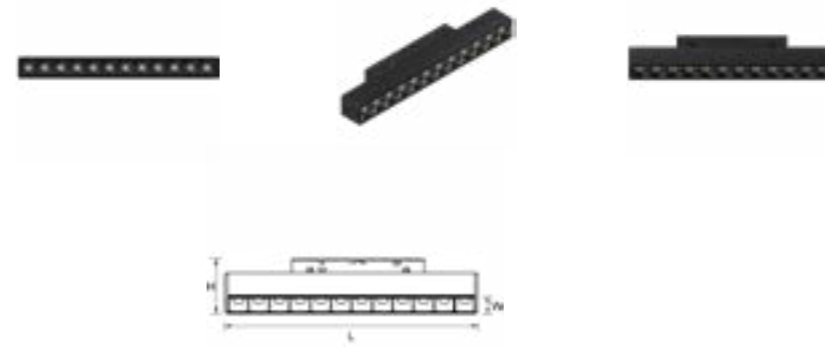
## MGL01



Mã sản phẩm	MGL01-012	MGL01-018
Công suất (W)	12	18
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.220*W.22*H.44	L.330*W.22*H.44
Quang thông (Lm)	960	1440
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	48	48
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



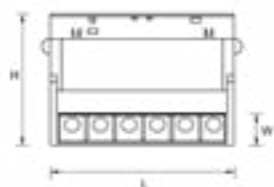
## MGL02



Mã sản phẩm	MGL02-006	MGL02-012	MGL02-018
Công suất (W)	6	12	18
Chip LED	Osram	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.113*W.22*H.44	L.222*W.22*H.44	L.330*W.22*H.44
Quang thông (Lm)	480	960	1440
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	48	48	48
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## MGL03



Mã sản phẩm	MGL03-006	MGL03-012
Công suất (W)	6	12
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.110*W.22*H.113	L.220*W.22*H.113
Quang thông (Lm)	480	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	48	48
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## MGL04



Mã sản phẩm	MGL04-007	MGL04-012
Công suất (W)	7	12
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø55*L.120	ø65*L.140
Quang thông (Lm)	560	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	48	48
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## 6. Led Ceiling Light



Đèn ớp nổi là loại đèn được ớp nổi trên bề mặt của trần nhà, sử dụng công nghệ Led hiện đại, giúp tiết kiệm tối đa điện năng khi hoạt động mang lại nguồn sáng hài hòa

Với sự đa dạng trong thiết kế và chất lượng ánh sáng cao, đèn ớp trần led phù hợp với nhiều không gian khác nhau từ cổ điển đến hiện đại

Sản phẩm không phát ra tia cực tím an toàn cho người dùng. Không gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe con người khi sử dụng. Đèn không chứa các chất độc hại như thủy ngân nên rất thân thiện với môi trường

## Danh mục sản phẩm CEL



CEL01 140



CEL02 141



CEL03N 142



CEL09 143

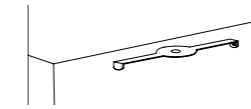


CEL10 144

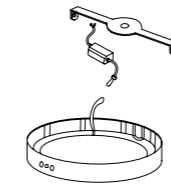


CED10 145

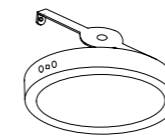
## Quy trình lắp đặt



Bước 1: sử dụng ốc vít cố định thanh giữ lên trần nhà



Bước 2: lắp đặt tầng pho vào bên trong đèn

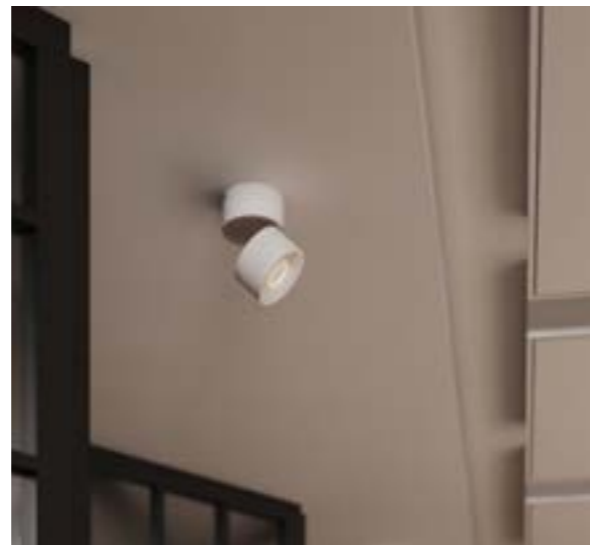
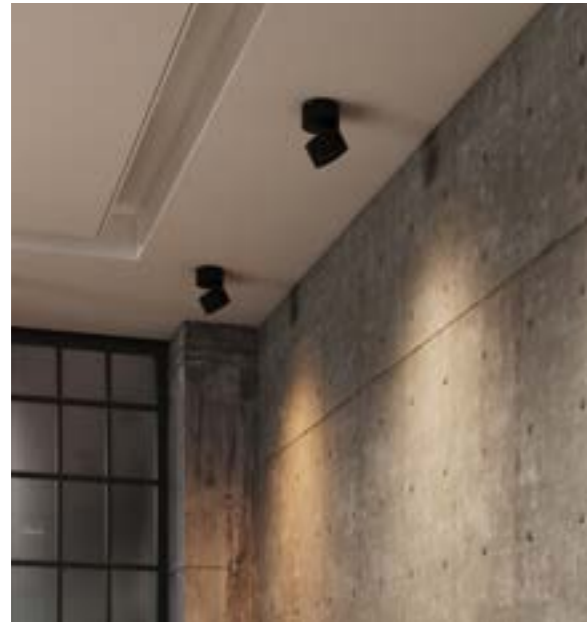


Bước 3: dùng ốc vít cố định đèn và thanh giữ để đèn ốp sát trần

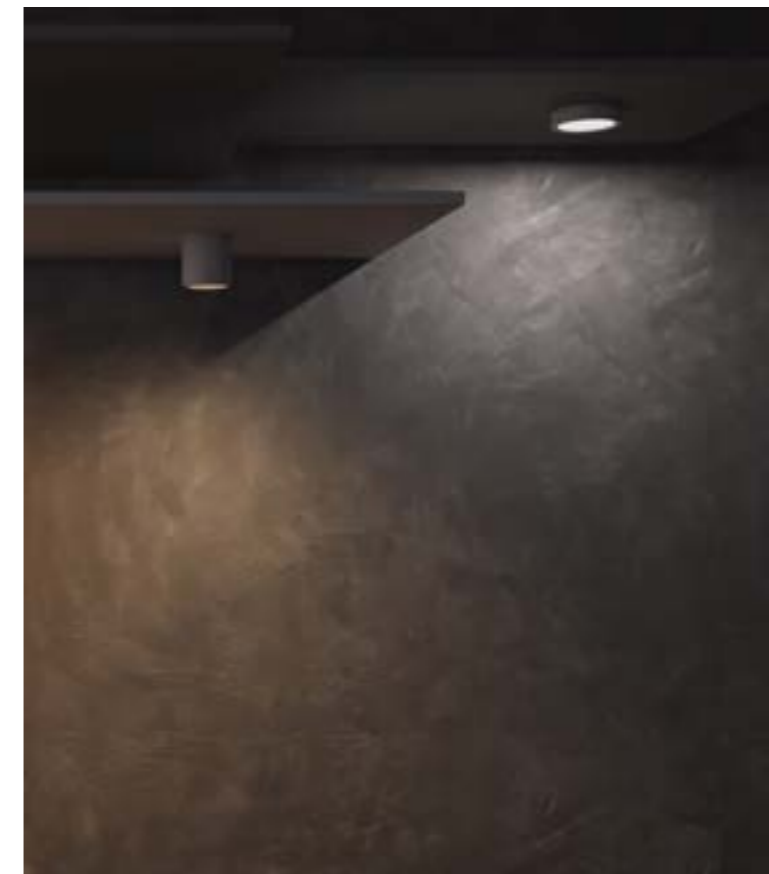


Bước 4: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Ceiling Light



Quang thông 90-115Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 3-20W, Góc chiếu 15-120°, IP21, CRI90+



### Cấu tạo

Đèn Led ốp trần nổi được cấu tạo từ các bộ phận chính là: chip Led, tản nhiệt, tấm dẫn sáng chống chói, kính khuếch tán ánh sáng, tấm phản xạ ánh sáng, vỏ đèn và tấm đế, nguồn đèn. Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm sơn tĩnh điện hoặc nhựa PC cao cấp bền đẹp, chống ăn mòn tốt

### Góc chiếu

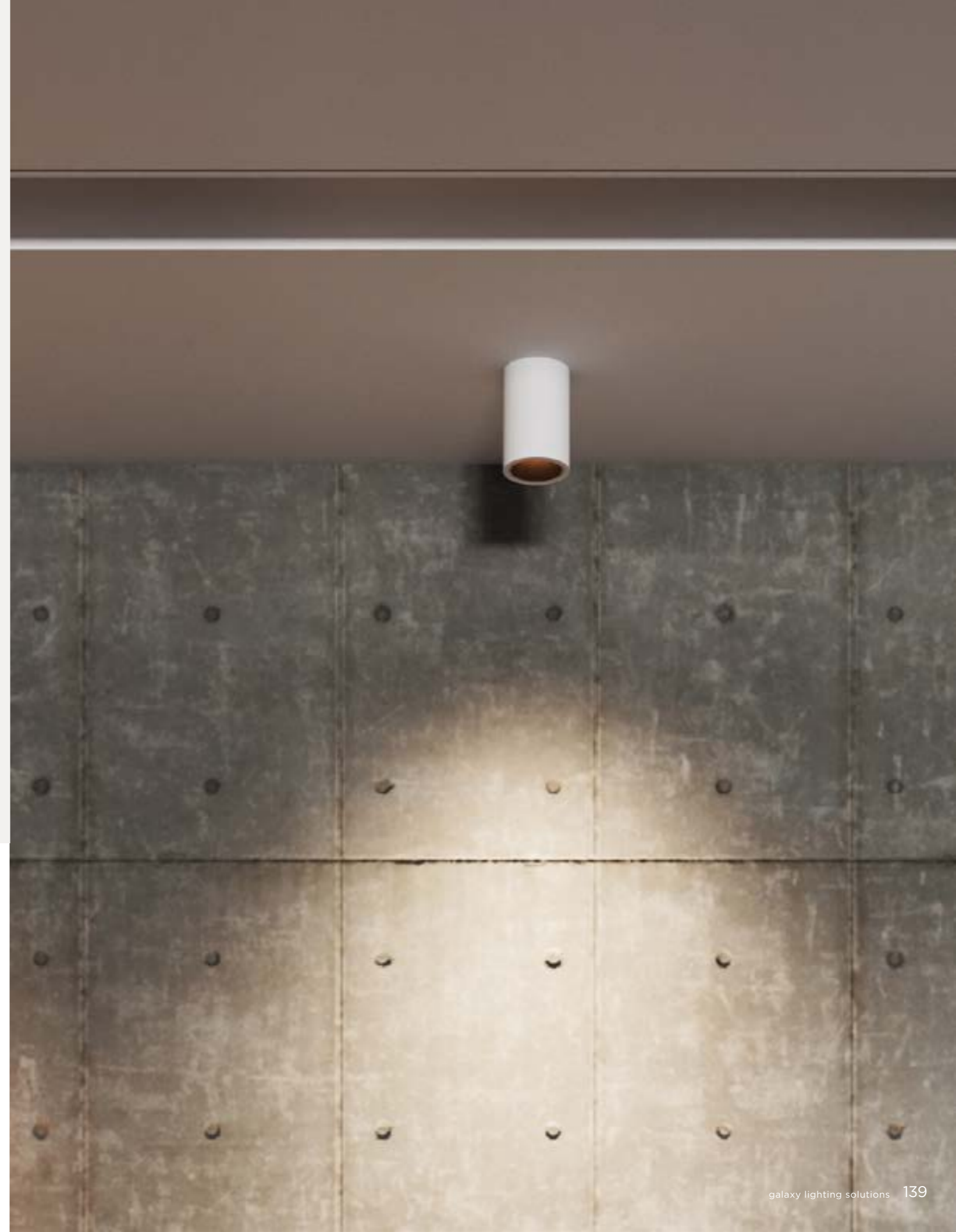
Góc chiếu 15-120 độ của đèn phù hợp với mọi loại trần. Ánh sáng đồng đều, cường độ ánh sáng lớn, không có hiện tượng nhấp nháy, không gây chói mắt cho người sử dụng

### Phạm vi sử dụng

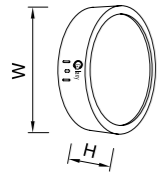
Được sử dụng tại phòng ngủ, ban công, phòng khách, phòng bếp, cầu thang, nhà tắm, ... bởi tính thẩm mỹ cao cũng như đáp ứng được sự tối ưu chiếu sáng



Đèn không những cung cấp ánh sáng mà còn dùng như vật trang trí để tăng thêm sự trang trọng, lịch sự cho không gian lắp đèn



## CELO1

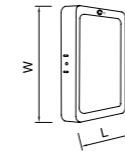


Mã sản phẩm	CEL01-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø120*H.30
Quang thông (Lm)	540
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	CEL01-024
Công suất (W)	24
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø300*H.30
Quang thông (Lm)	2160
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## CELO2



Mã sản phẩm	CEL02-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.120*W.120*H.30
Quang thông (Lm)	540
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

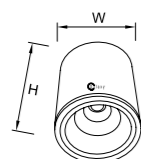
Mã sản phẩm	CEL02-024
Công suất (W)	24
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.300*W.300*H.30
Quang thông (Lm)	2160
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



Mã sản phẩm	CEL02-012
Công suất (W)	12
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.170*W.170*H.30
Quang thông (Lm)	1080
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	CEL02-018
Công suất (W)	18
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.225*W.225*H.30
Quang thông (Lm)	1620
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

## CELO3N



Mã sản phẩm	CELO3N-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø90*H.102
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	CELO3N-015
Công suất (W)	15
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø116*H.103
Quang thông (Lm)	1575
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## CELO9



Mã sản phẩm	CELO9-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø88*H.110
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	CELO9-007
Công suất (W)	7
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø88*H.110
Quang thông (Lm)	735
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	CELO9-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø88*H.110
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



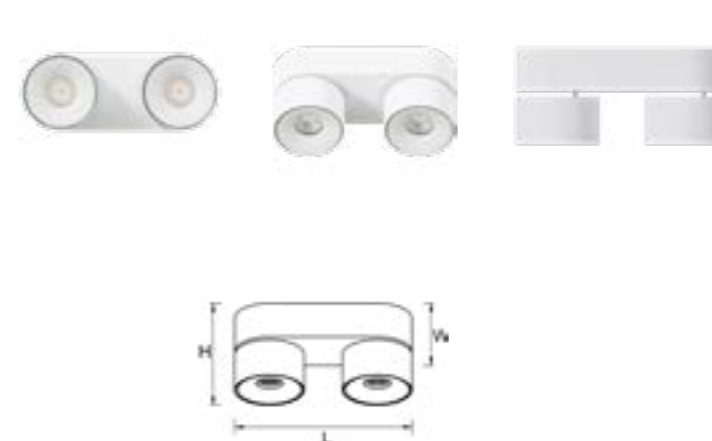
## CEL10



Mã sản phẩm	CEL10-007	CEL10-010
Công suất (W)	7	10
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø75*H.90	ø75*H.90
Quang thông (Lm)	805	1150
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000	3000; 4000; 5000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## CED10



Mã sản phẩm	CED10-014	CED10-020
Công suất (W)	2*7	2*10
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.190*W.75*H.90	L.190*W.75*H.90
Quang thông (Lm)	1610	2300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 5000	3000; 4000; 5000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## 7. Led Wall Light



Đèn Led gắn tường là giải pháp chiếu sáng trang trí nhằm tạo chiều sâu, điểm nhấn trong việc tôn lên vẻ đẹp cho góc không gian, cân bằng và hài hòa ánh sáng trong toàn bộ không gian tổng thể

Sự tinh tế của ánh sáng đèn tường khi kết hợp với màu sắc, hoa văn trên tường sẽ mang lại không gian hài hòa, tràn ngập sự ấm cúng ở các góc trong căn phòng

## Danh mục sản phẩm WAL



WAL03 159



WAL04 160



WAL08 162



WAL11 163



WAL06 161



WAL28 166



WAL29 167



WAL16 164



WAL17 165



WAL30

168



WAL31

169



WAL32

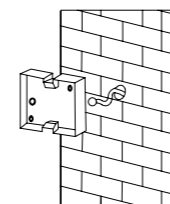
170



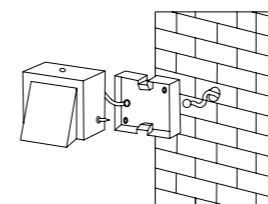
WAL33

171

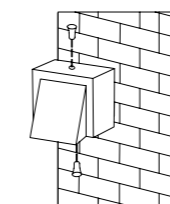
## Quy trình lắp đặt



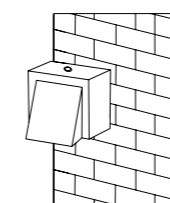
Bước 1: kết nối nguồn điện qua ron cao su ở đế đèn



Bước 2: bắt thân đèn vào đế đèn đã có sẵn trên tường



Bước 3: cố định đèn bằng ốc vít



Bước 4: bật điện để kiểm tra ánh sáng đèn



## Đặc trưng của đèn Led Wall Light

### Cấu tạo

Vỏ đèn: được làm từ hợp kim nhôm sơn tĩnh điện, vừa tạo độ thẩm mỹ, vừa có khả năng chống ăn mòn, chống oxy hóa và không thấm nước.

Chip Led: Sử dụng các loại chip hiện đại nhất đảm bảo ánh sáng được đều và thông suốt.

Bộ tản nhiệt: Bộ tản nhiệt được chú trọng giúp tỏa nhiệt nhanh, giúp nâng cao tuổi thọ cho đèn

Bề mặt là một lớp kính dày và trong suốt. Tấm kính này có thể chịu được lực tác động hoặc va đập mạnh, đủ bảo vệ cho đèn luôn sáng một cách ổn định và không bị xâm nhập, phá hoại từ bên ngoài

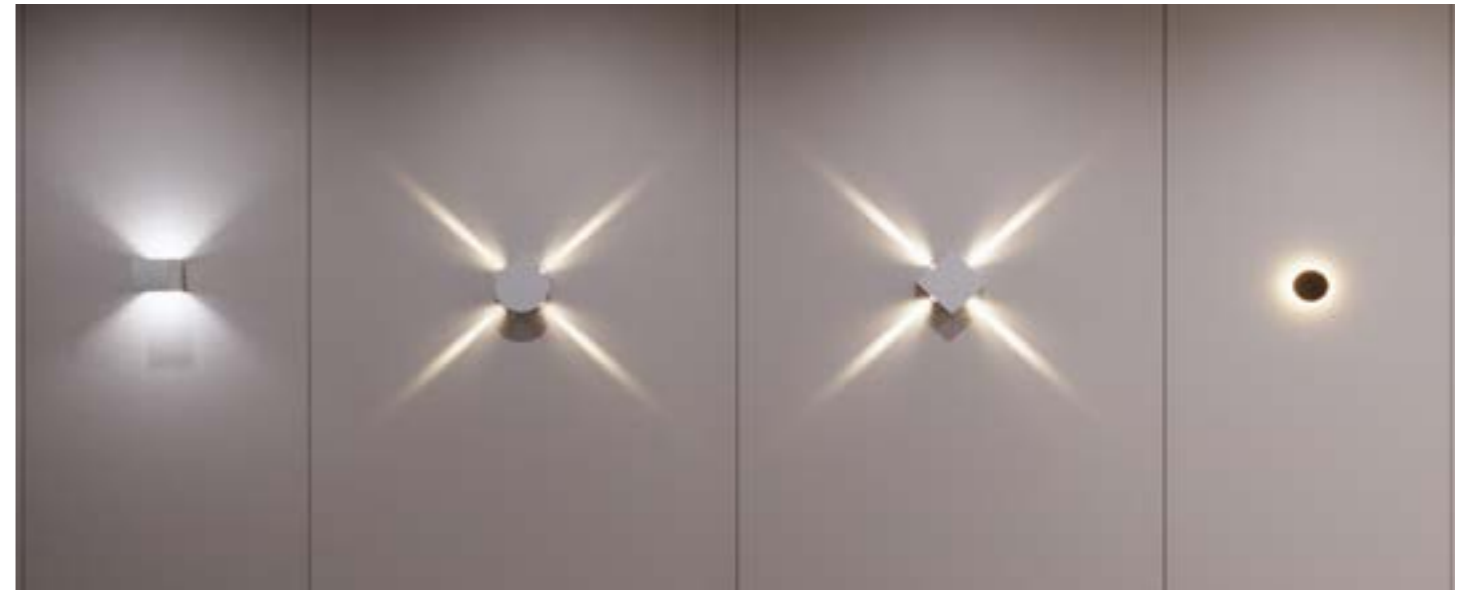
### Phạm vi sử dụng

Dùng để trang trí tường, ban công, cầu thang và cả ngoài trời. Đa dạng cho sự lựa chọn



Quang thông lên đến 105Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 3-12W, Góc chiếu 60-120°, IP21-65, CRI90+



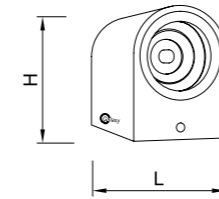


Đèn tường thường được gắn ngang tầm nhìn, thiết kế có chóa đèn nhằm giảm độ chói khi chiếu sáng





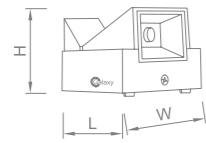
## WAL03



Mã sản phẩm	WAL03-003	WAL03-006	WAL03-010
Công suất (W)	3	2*3	2*5
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.80*W.68*H.93	L.151*W.68*H.93	L.151*W.68*H.93
Quang thông (Lm)	315	630	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## WAL04

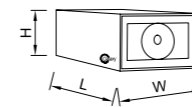


Mã sản phẩm	WAL04-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.76*W.81*H.65
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	WAL04-010
Công suất (W)	2*5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.172*W.81*H.65
Quang thông (Lm)	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



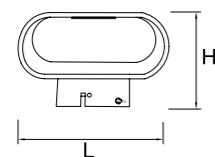
## WAL06



Mã sản phẩm	WAL06-006	WAL06-010
Công suất (W)	2*3	2*5
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.160*W.90*H.55	L.160*W.90*H.55
Quang thông (Lm)	630	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



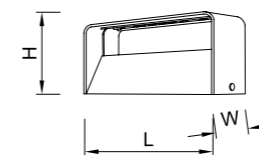
## WAL08



Mã sản phẩm	WAL08-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.160*W.96*H.100
Quang thông (Lm)	270
Nhiệt độ màu (K)	3000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



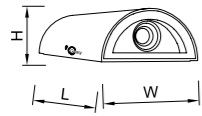
## WAL11



Mã sản phẩm	WAL11-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.200*W.80*H.100
Quang thông (Lm)	540
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



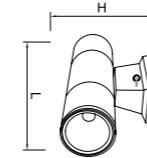
## WAL16



Mã sản phẩm	WAL16-006	WAL16-010
Công suất (W)	2*3	2*5
Chip LED	Bridgelux	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.160*W.90*H.55	L.160*W.90*H.55
Quang thông (Lm)	630	1050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



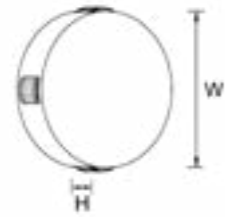
## WAL17



Mã sản phẩm	WAL17-006
Công suất (W)	2*3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.200*W.65*H.115
Quang thông (Lm)	630
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## WAL28



Mã sản phẩm	WAL28-012
Công suất (W)	4*3
Chip LED	Led 3535
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø140*H.30
Quang thông (Lm)	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



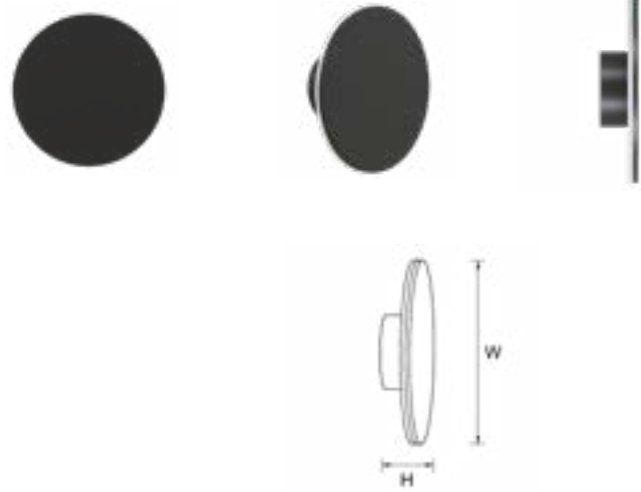
## WAL29



Mã sản phẩm	WAL29-012
Công suất (W)	4*3
Chip LED	Led 3535
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.140*W.140*H.30
Quang thông (Lm)	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



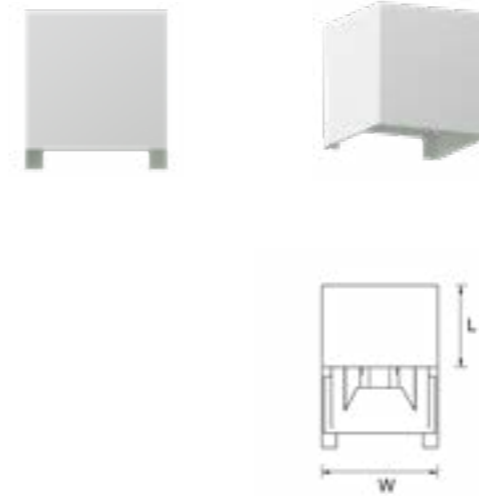
## WAL30



Mã sản phẩm	WAL30-012
Công suất (W)	12
Chip LED	SMD 2835
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø150*H.50
Quang thông (Lm)	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



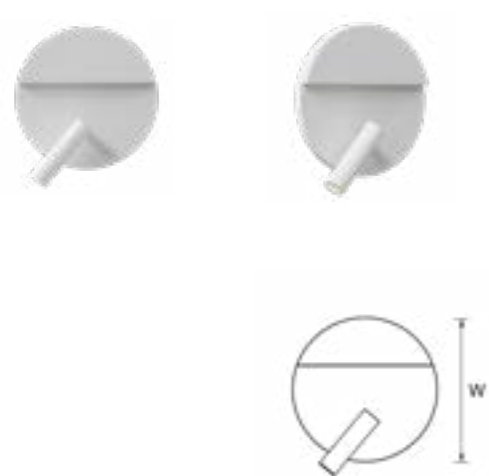
## WAL31



Mã sản phẩm	WAL31-006
Công suất (W)	2*3
Chip LED	COB
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.100*W.100*H.80
Quang thông (Lm)	480
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## WAL32



Mã sản phẩm	WAL32-003
Công suất (W)	3
Chip LED	COB
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø160
Nhiệt độ màu (K)	3000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## WAL33



Mã sản phẩm	WAL33-003
Công suất (W)	3
Chip LED	COB
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.200*W.60
Nhiệt độ màu (K)	3000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## 8. Led Step Light



Đèn Led Step Light được gắn theo từng bậc cầu thang vừa có tác dụng chiếu sáng đảm bảo an toàn cho việc di chuyển, đồng thời cũng tạo điểm nhấn đặc sắc cho bậc thang

Công suất nhỏ vừa đủ để tạo ánh sáng hắt nhẹ nhàng cho khu vực cầu thang

## Danh mục sản phẩm STP



WAL20 148



WAL22 149



STP02 151



STP03 152



STP01 150

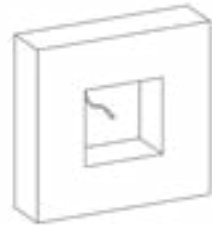


STP04 151

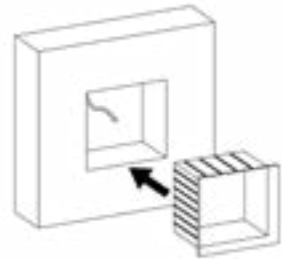


STP05 152

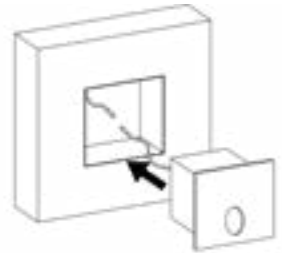
## Quy trình lắp đặt



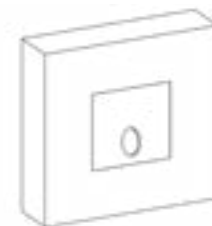
Bước 1: khoét lỗ tại vị trí cần lắp đặt theo thông số đèn



Bước 2: đặt vỏ đèn vào vị trí đã khoét



Bước 3: kết nối dây nguồn và gắn thân đèn vào đế đèn đã có sẵn



Bước 4: bật điện để kiểm tra ánh sáng đèn

## Đặc trưng của đèn Led Step Light

### Cấu tạo

Vỏ đèn được làm từ hợp kim nhôm sơn tĩnh điện, kết hợp cùng loại chip Led hiện đại nhất đảm bảo ánh sáng được đều và thông suốt. Bộ tản nhiệt: Bộ tản nhiệt được chú trọng giúp tỏa nhiệt nhanh, giúp nâng cao tuổi thọ cho đèn

### Ánh sáng

Ngoại trừ sử dụng đèn hắt chân cầu thang để chiếu sáng thì đèn còn tạo nên những mảng nhấn nhá độc đáo và đẹp mắt cho toàn bộ không gian chiếu sáng

### Phạm vi sử dụng

Đèn cầu thang được ứng dụng nhiều trong trang trí chiếu sáng khu vực cầu thang cho các công trình nhà ở, khách sạn, nhà hàng, biệt thự, ... Có thể sử dụng được cho cả các công trình cầu thang ngoài trời, đèn đảm bảo tiêu chuẩn lên đến IP65

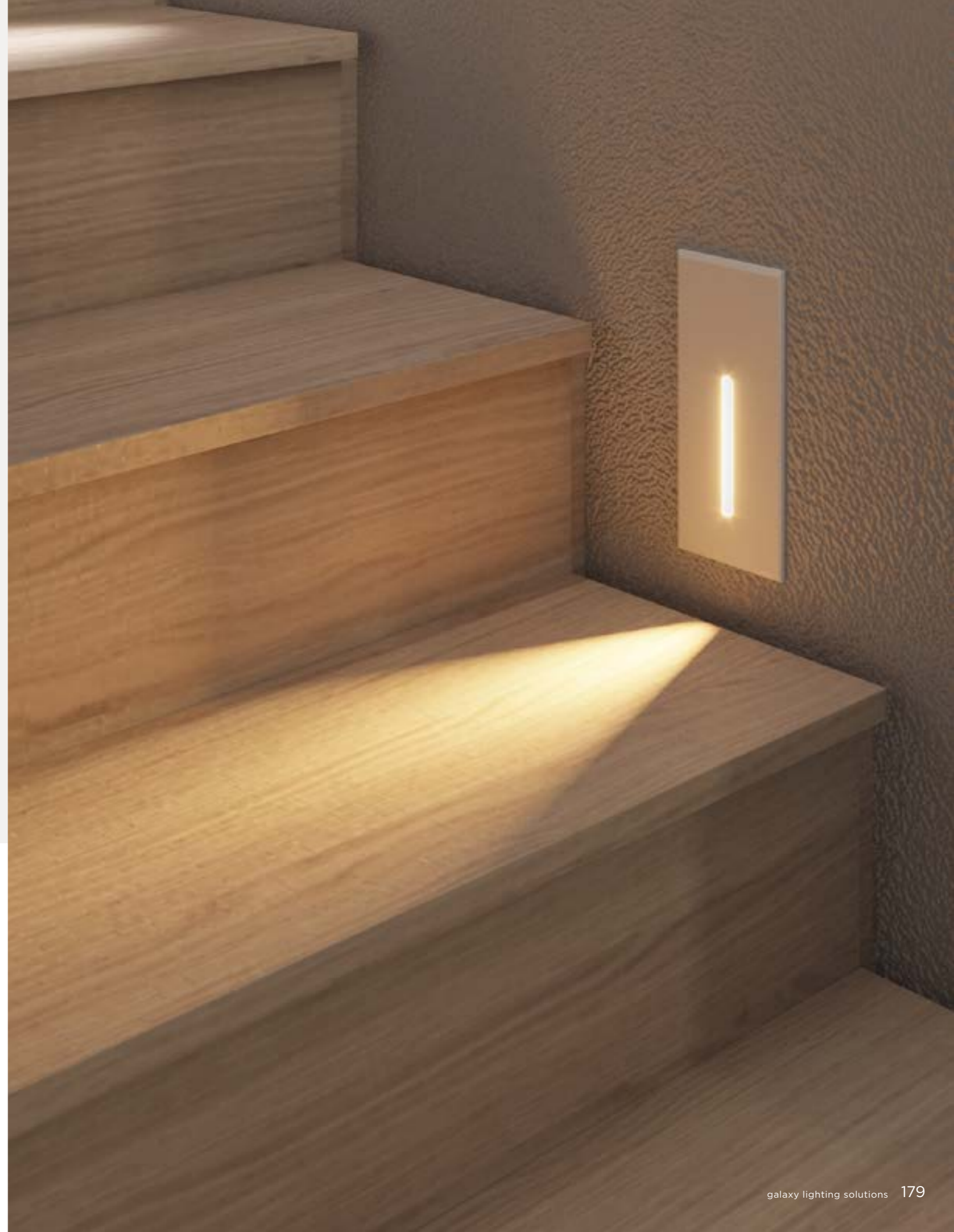


Quang thông lên đến 90Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 2-3W, Góc chiếu đa dạng, IP2-65, CRI80+





Đèn hắt chân cầu thang thường được gắn ngang  
tầm bước đi, tạo ánh sáng để dễ di chuyển ở những  
khu vực tối

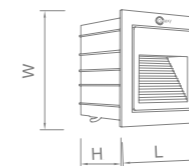




Đèn có thiết kế đơn giản nhưng sang trọng,  
góp phần tô điểm cho một góc trong ngôi nhà



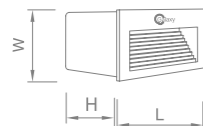
## WAL20



Mã sản phẩm	WAL20-002
Công suất (W)	2
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.76*W.76
Kích thước phủ bì (mm)	L.85*W.85*H.55
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



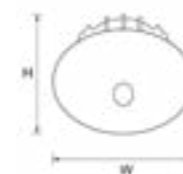
## WAL22



Mã sản phẩm	WAL22-002
Công suất (W)	2
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.99*W.41
Kích thước phủ bì (mm)	L.110*W.45*H.45
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



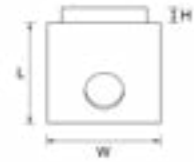
## STP01



Mã sản phẩm	STP01-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø35*H.43
Kích thước phủ bì (mm)	ø42*H.23
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## STP02



Mã sản phẩm	STP02-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.80*W.80*H.50
Kích thước phủ bì (mm)	L.86*W.86*H.35
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



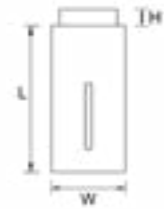
## STP03



Mã sản phẩm	STP03-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.80*W.80*H.50
Kích thước phủ bì (mm)	L.86*W.86*H.35
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## STP04



Mã sản phẩm	STP04-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.75*W.38*H.54
Kích thước phủ bì (mm)	L.90*W.40*H.50
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## STP05



Mã sản phẩm	STP05-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Osram 3030
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø35*H.43
Kích thước phủ bì (mm)	ø42*H.23
Quang thông (Lm)	210
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## 9. Led Underground Light



Đèn Led âm đất được hiểu một cách rất đơn giản là mẫu đèn led có thiết kế phần thân đèn lắp ở dưới đất, sàn nhà để nâng cao thẩm mỹ cũng như tối ưu được diện tích lắp đặt trong không gian

Công nghệ Led chiếu sáng hiệu quả mang lại hiệu suất phát quang cao. Thiết kế đạt chuẩn IP67, an toàn và tăng tuổi thọ cho sử dụng sản phẩm khi ngoài trời

## Danh mục sản phẩm UDG



UDG07 200



UDG08 201



UDG21 206



UDG22 207



UDG10 202



UDG18 203



UDG23 208



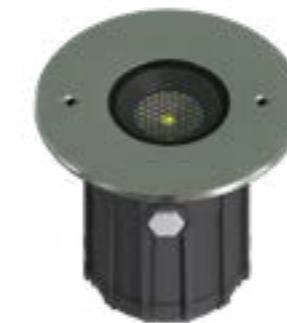
UDG24 209



UDG19 204



UDG20 205

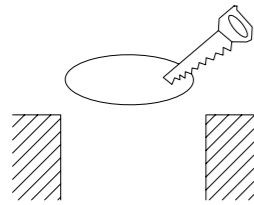


UDG25 210

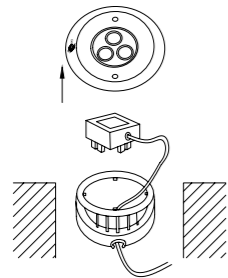


UDG26 211

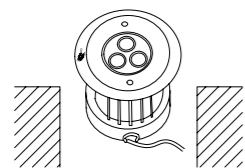
## Quy trình lắp đặt



Bước 1: khoét lỗ sàn theo thông số



Bước 2: nối dây điện với bộ nguồn của đèn



Bước 3: lắp đặt đèn vào lỗ khoét

## Đặc trưng của đèn Led Underground Light



### Cấu tạo

Đèn sẽ được lắp âm xuống đất nên thân đèn cần được cấu tạo từ những vật liệu chống gỉ. Bề mặt kính của đèn chịu được ngoại lực tác động khi người đi qua hoặc vật nặng đặt lên.

Thân đèn âm đất được chế tạo nguyên khối hợp kim giúp cho quá trình tản nhiệt của bộ đèn hiệu quả đồng thời bảo vệ bộ đèn, chống sự oxi hóa khi lắp đặt dưới mặt đất

### Ánh sáng

Ánh sáng của đèn sẽ chiếu trực tiếp từ dưới lên với nhiều màu sắc khác nhau rơi vào điểm nhấn nào đó mà bạn muốn

### Phạm vi sử dụng

Đèn Led âm đất được ứng dụng nhiều trong trang trí sân vườn, các tòa nhà, trung tâm thương mại, quán cafe, đường phố,...

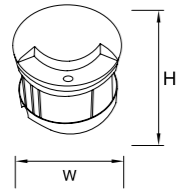
Quang thông lên đến 105Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 1-36W, Góc chiếu 15-60°, IP65-67, CRI90+



Ánh sáng tỏa ra từ chip Led cao cấp kết hợp với bề mặt đèn bằng lớp kính cường lực tạo nên nguồn ánh sáng rõ nét, trung thực



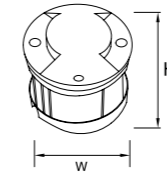
## UDG07



Mã sản phẩm	UDG07-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø90
Kích thước phủ bì (mm)	ø100*H.90
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



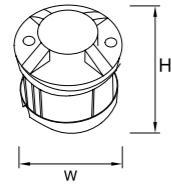
## UDG08



Mã sản phẩm	UDG08-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø90
Kích thước phủ bì (mm)	ø100*H.90
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## UDG10



Mã sản phẩm	UDG10-003
Công suất (W)	3
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø90
Kích thước phủ bì (mm)	ø100*H.90
Quang thông (Lm)	315
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## UDG18



Mã sản phẩm	UDG18-000.5	UDG18-001
Công suất (W)	0.5	1
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø15*H.40	ø24*H.47
Kích thước phủ bì (mm)	ø20*H.40	ø30*H.47
Quang thông (Lm)	55	66
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	12	12/24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



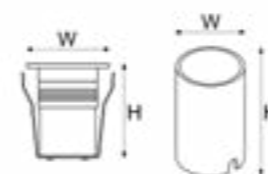
## UDG19



Mã sản phẩm	UDG19-002
Công suất (W)	2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø40*H.43
Kích thước phủ bì (mm)	ø58*H.43
Quang thông (Lm)	110
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



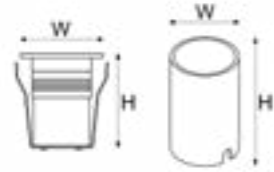
## UDG20



Mã sản phẩm	UDG20-002	UDG20-005	UDG20-009
Công suất (W)	2	5	9
Chip LED	Cree	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø49*H.115	ø56*H.95	ø68*H.105
Kích thước phủ bì (mm)	ø55*H.82	ø70*H.82	ø80*H.92
Quang thông (Lm)	170	508	904
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40	- 20 đến 40



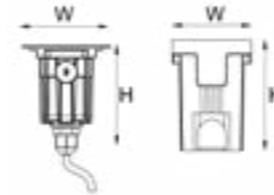
## UDG21



Mã sản phẩm	UDG21-002
Công suất (W)	2
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø48*H.115
Kích thước phủ bì (mm)	L.55*W.55*H.82
Quang thông (Lm)	170
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## UDG22



Mã sản phẩm	UDG22-002
Công suất (W)	1*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø85*H.118
Kích thước phủ bì (mm)	ø95*H.116
Quang thông (Lm)	157
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

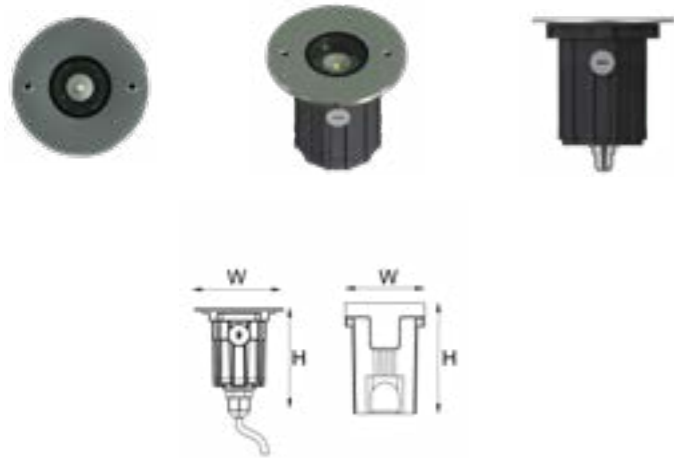
Mã sản phẩm	UDG22-006
Công suất (W)	3*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø119*H.136
Kích thước phủ bì (mm)	ø130*H.133
Quang thông (Lm)	465
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	UDG22-012
Công suất (W)	6*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø147*H.156
Kích thước phủ bì (mm)	ø160*H.153
Quang thông (Lm)	920
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	UDG22-024
Công suất (W)	12*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø193*H.194
Kích thước phủ bì (mm)	ø210*H.181
Quang thông (Lm)	1850
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## UDG23

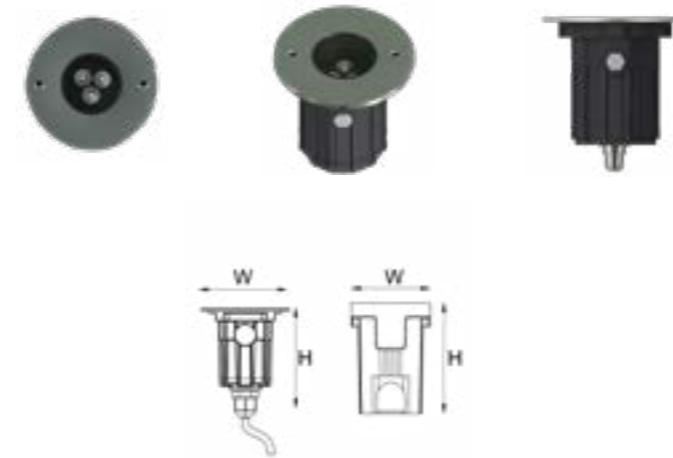


Mã sản phẩm	UDG23-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø119*H.136
Kích thước phủ bì (mm)	ø130*H.133
Quang thông (Lm)	380
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	UDG23-025
Công suất (W)	25
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø193*H.194
Kích thước phủ bì (mm)	ø210*H.181
Quang thông (Lm)	2130
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## UDG24



Mã sản phẩm	UDG24-002
Công suất (W)	1*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø85*H.118
Kích thước phủ bì (mm)	ø95*H.116
Quang thông (Lm)	141
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	UDG24-018
Công suất (W)	9*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø165*H.168
Kích thước phủ bì (mm)	ø180*H.162
Quang thông (Lm)	990
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



Mã sản phẩm	UDG24-006
Công suất (W)	3*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø119*H.136
Kích thước phủ bì (mm)	ø130*H.133
Quang thông (Lm)	418
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	UDG24-012
Công suất (W)	6*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø147*H.156
Kích thước phủ bì (mm)	ø160*H.153
Quang thông (Lm)	855
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## UDG25

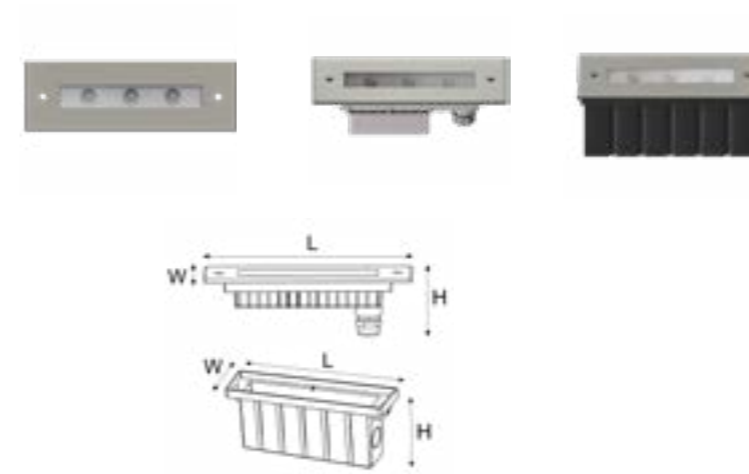


Mã sản phẩm	UDG25-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø119*H.136
Kích thước phủ bì (mm)	ø130*H.133
Quang thông (Lm)	350
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	UDG25-025
Công suất (W)	25
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø193*H.194
Kích thước phủ bì (mm)	ø210*H.181
Quang thông (Lm)	2030
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## UDG26



Mã sản phẩm	UDG26-006	UDG26-012
Công suất (W)	3*2	6*2
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.180*W.58*H.90	L.313*W.58*H.90
Kích thước phủ bì (mm)	L.195*W.63*H.65	L.328*W.63*H.65
Quang thông (Lm)	530	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



## 10. Led Project Light



Đèn Led ghim cố là loại đèn không thể thiếu cho chiếu sáng ngoài trời. Khác với những mẫu đèn ngoài trời khác phải khoét lỗ và lắp đặt cố định ở 1 nơi thì đèn Led ghim cố có thể di chuyển vị trí chiếu sáng linh hoạt, tùy vào nhu cầu chiếu sáng của người sử dụng

Công nghệ Led chiếu sáng hiệu quả mang lại hiệu suất phát quang cao. Thiết kế đạt chuẩn IP67, IK10, an toàn và tuổi thọ cao

## Danh mục sản phẩm PRL



PRL01 222



PRL02 223



PRL05 226



PRL06 227



PRL03 224



PRL04 225



PRL07 228



PRL08 229

## Quy trình lắp đặt



Bước 1: xác định vị trí để gắn cố định đế đèn hoặc ghim chân đèn



Bước 2: kết nối với nguồn điện



Bước 3: cố định đèn với đế hoặc ghi chân đèn đã cố định



Bước 4: điều chỉnh góc chiếu và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Project Light



Quang thông lên đến 105Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 5-40W, Góc chiếu đa dạng, IP65-67, CRI80+



### Cấu tạo

Đèn được cấu tạo từ những vật liệu chống gỉ. Mặt đèn là nơi tiếp xúc trực tiếp với các tác nhân môi trường như nắng, gió, ... cũng như các tác động từ bên ngoài nên được thiết kế bằng kính cường lực, tạo độ sang trọng và bền bỉ qua thời gian

Thân đèn được chế tạo nguyên khối hợp kim giúp cho quá trình tản nhiệt hiệu quả đồng thời bảo vệ bộ đèn

### Ánh sáng

Sử dụng dòng chip Led cao cấp giúp đèn có ánh sáng đẹp, chỉ số hoàn màu cao mang lại sự chân thực, tự nhiên của vật thể. Không gây chói mắt cho người sử dụng

### Phạm vi sử dụng

Đèn thường được ứng dụng nhiều trong trang trí sân vườn biệt thự, các tòa nhà, đường phố,... để tạo hiệu ứng ấn tượng, tăng sự cuốn hút cho không gian chiếu sáng. Hơn nữa còn giúp thuận tiện hơn trong quá trình di chuyển vào ban đêm ở những nơi tối



Đèn có 2 loại chân ghim và chân đế có thể đặt luôn trên sân cỏ một cách dễ dàng mà không phải ghim xuống đất. Mẫu mã đa dạng, đèn Led chiếu cây là một trong những sự lựa chọn không thể bỏ qua cho không gian sân vườn thêm sống động





Ngoài ra đèn sử dụng điện áp DC24V, đảm bảo an toàn về điện và kéo dài hơn tuổi thọ của đèn



## PRL01



Mã sản phẩm	PRL01-005
Công suất (W)	5
Chip LED	Bridgelux
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø58*H.185
Quang thông (Lm)	525
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## PRL02



Mã sản phẩm	PRL02-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø60*H.160
Quang thông (Lm)	380
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

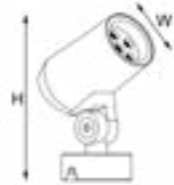
Mã sản phẩm	PRL02-012
Công suất (W)	12
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø80*H.189
Quang thông (Lm)	940
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	PRL02-020
Công suất (W)	20
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø100*H.237
Quang thông (Lm)	1420
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	PRL02-040
Công suất (W)	40
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø150*H.322
Quang thông (Lm)	2200
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## PRL03



Mã sản phẩm	PRL03-006
Công suất (W)	3*2
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø60*H.128
Quang thông (Lm)	330
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	PRL03-036
Công suất (W)	12*3
Chip LED	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø150*H.303
Quang thông (Lm)	2520
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## PRL04



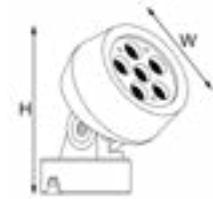
Mã sản phẩm	PRL04-006
Công suất (W)	6
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø60*H.128
Quang thông (Lm)	603
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	PRL04-012	PRL04-020
Công suất (W)	12	20
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø80*H.148	ø100*H.231
Quang thông (Lm)	1310	2200
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40

Mã sản phẩm	PRL04-040
Công suất (W)	40
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø150*H.303
Quang thông (Lm)	3800
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40



## PRL05



Mã sản phẩm	PRL05-012	PRL05-024	PRL05-048
Công suất (W)	6*2	12*2	24*2
Chip LED	Osram	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø130*H.177	ø170*H.218	ø210*H.258
Quang thông (Lm)	1080	2450	3750
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40	- 20 đến 40



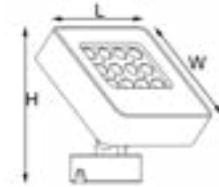
## PRL06



Mã sản phẩm	PRL06-018	PRL06-035
Công suất (W)	18	35
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø130*H.177	ø170*H.218
Quang thông (Lm)	1520	3400
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



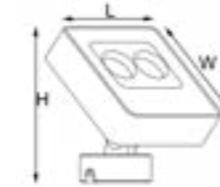
## PRL07



Mã sản phẩm	PRL07-024	PRL07-048
Công suất (W)	12*2	24*2
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.170*W.170*H.222	L.210*W.210*H.257
Quang thông (Lm)	1920	3200
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



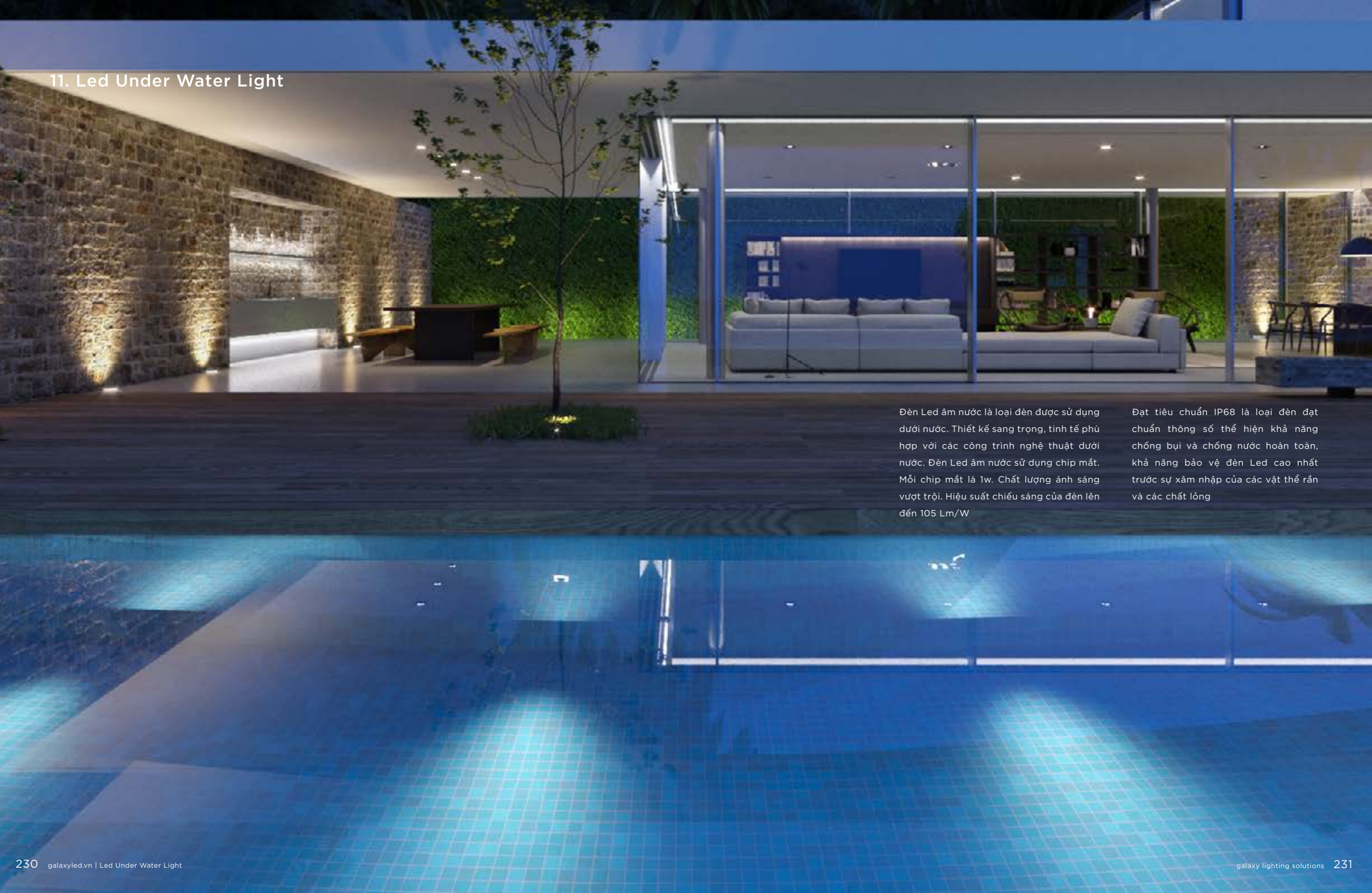
## PRL08



Mã sản phẩm	PRL08-020	PRL08-040
Công suất (W)	2*10	4*10
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.170*W.170*H.222	L.210*W.210*H.257
Quang thông (Lm)	2400	3600
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



## 11. Led Under Water Light



Đèn Led âm nước là loại đèn được sử dụng dưới nước. Thiết kế sang trọng, tinh tế phù hợp với các công trình nghệ thuật dưới nước. Đèn Led âm nước sử dụng chip mắt. Mỗi chip mắt là 1w. Chất lượng ánh sáng vượt trội. Hiệu suất chiếu sáng của đèn lên đến 105 Lm/W

Đạt tiêu chuẩn IP68 là loại đèn đạt chuẩn thông số thể hiện khả năng chống bụi và chống nước hoàn toàn, khả năng bảo vệ đèn Led cao nhất trước sự xâm nhập của các vật thể rắn và các chất lỏng

## Danh mục sản phẩm UDW



UDW04 237



UDW05 238



UDW06 239

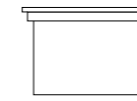


UDW07 240



UDW08 241

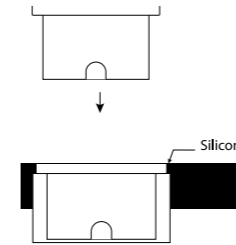
## Quy trình lắp đặt



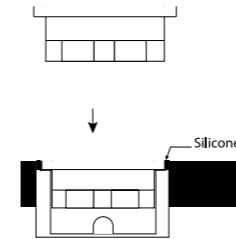
Bước 1: khoét lỗ sàn theo thông số



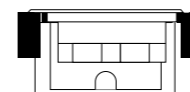
Bước 2: đặt vỏ vào vị trí đã khoét. Đổ Silicon để chống thấm



Bước 3: đặt đèn vào vị trí. Đổ silicon để chống thấm



Bước 4: kiểm tra và sử dụng



## Đặc trưng của đèn Led Under Water Light

### Cấu tạo

Thân đèn chế tạo từ Inox cao cấp có độ sáng bóng cao chống ăn mòn dưới nước. Bề mặt đèn là tấm kính cường lực dày, truyền sáng tốt, chịu được áp lực cao

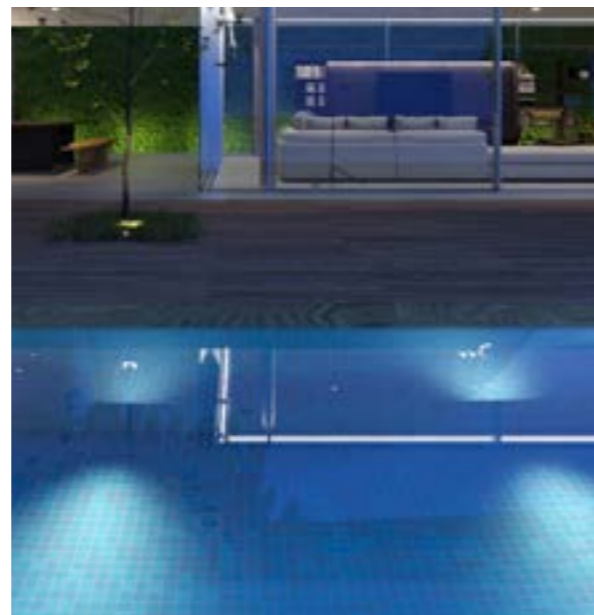
### 24V

Đèn Led âm nước hoạt động với dải điện áp 24V để đảm bảo an toàn cho con người và động vật dưới nước

### Phạm vi sử dụng

Đèn Led âm nước được sử dụng rất rộng rãi trong kiến trúc cảnh quan đô thị, công trình công cộng hay các công trình mang tính chất phục vụ giải trí. Đèn có thể được sử dụng với mục đích chiếu sáng hoặc trang trí

Quang thông lên đến 100Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất lên đến 36W, IP68, CRI90+



Đèn Led âm nước có khả năng tiết kiệm điện năng rất tốt. Có thể tiết kiệm đến hơn 70% điện năng nên chắc chắn đây là lựa chọn hoàn hảo nhất cho mọi không gian chiếu sáng dưới nước.



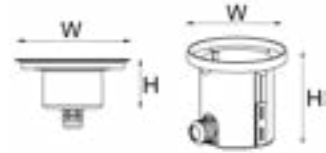
## UDW04



Mã sản phẩm	UDW04-001.5	UDW04-002
Công suất (W)	1,5	2
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø50*H.83	ø80*H.98
Kích thước phủ bì (mm)	ø38*H.65	ø55*H.82
Quang thông (Lm)	140	160
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



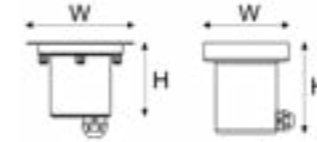
## UDW05



Mã sản phẩm	UDW05-006	UDW05-008	UDW05-012
Công suất (W)	3*2	4*2	6*2
Chip LED	Osram	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø110*H.118	ø127*H.120	ø156*H.120
Kích thước phủ bì (mm)	ø118*H.55	ø135*H.58	ø180*H.77
Quang thông (Lm)	530	660	1008
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40	- 20 đến 40



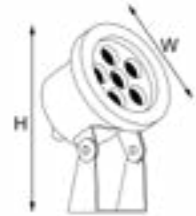
## UDW06



Mã sản phẩm	UDW06-008	UDW06-018	UDW06-025
Công suất (W)	8	18	25
Chip LED	Cree	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø110*H.117	ø140*H.138	ø165*H.145
Kích thước phủ bì (mm)	ø115*H.103	ø145*H.123	ø170*H.130
Quang thông (Lm)	560	1260	1750
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40	- 20 đến 40



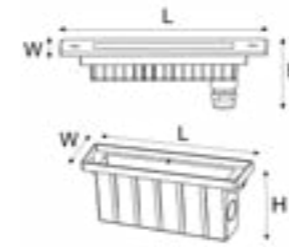
## UDW07



Mã sản phẩm	UDW07-006	UDW07-018	UDW07-024
Công suất (W)	3*2	6*3	12*2
Chip LED	Osram	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø95*H.102	ø125*H.122	ø150*H.129
Quang thông (Lm)	520	1200	2400
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40	- 20 đến 40



## UDW08



Mã sản phẩm	UDW08-006	UDW08-012
Công suất (W)	3*2	6*2
Chip LED	Osram	Osram
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.180*W.58*H.90	L.313*W.58*H.90
Kích thước phủ bì (mm)	L.195*W.63*H.65	L.328*W.63*H.65
Quang thông (Lm)	530	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Inox 316	Inox 316
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 20 đến 40	- 20 đến 40



## 12. Led String Light

Đèn Led dây là những cuộn dây ánh sáng sử dụng bản mạch điện tử chip Led hiện đại, dễ dàng chia thành từng đoạn nhỏ. Được làm từ chất liệu plastic cao cấp chống chập và chống cháy nổ

Dễ dàng uốn cong hay tạo thành nhiều hình thù khác nhau. Ánh sáng chống chói mắt, cho cảm giác thoải mái mắt

Đèn Led dây có thể sử dụng được trong nhà và cả ngoài trời. Với đèn Led dây trong nhà thường có kích thước nhỏ gọn, thiết kế đơn giản giúp tiết kiệm chi phí và được phủ một lớp thủy tinh mỏng nhẹ. Còn đèn Led dây ngoài trời được bọc plastic bên ngoài để bảo vệ đèn, có chỉ số IP cao và chống được các tác nhân bên ngoài như mưa gió, bụi, đảm bảo độ bền cao

## Danh mục sản phẩm STL



STL02N

247



STL07

248



STL08

249



STL09

250



STL10

251

## Đặc trưng của đèn Led String Light

### Cấu tạo

Đèn Led dây được tạo nên từ các chip Led nhỏ và được thiết kế trên một bản mạch điện tử dài, ở bên ngoài có phủ một lớp thủy tinh bảo vệ nhằm tạo ra dải ánh sáng màu sắc lung linh đẹp mắt chiếu sáng cho không gian sống

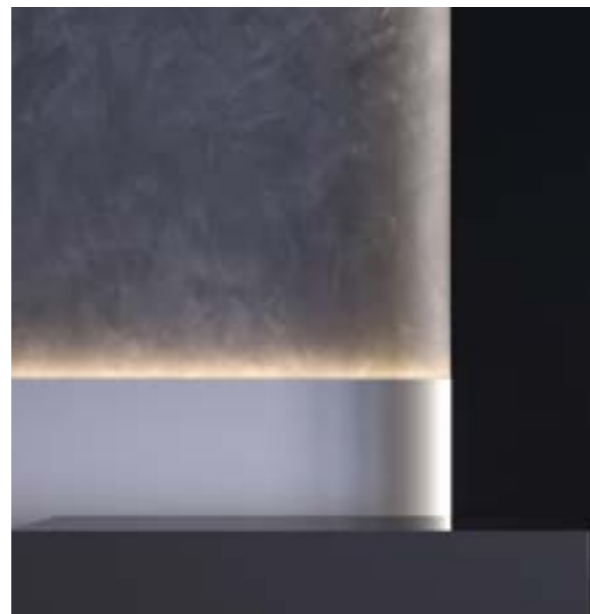
### IP

Đèn Led dây có thể sử dụng trong nhà không thấm nước với loại đèn có tiêu chuẩn IP21 và ngoài trời sử dụng keo chống thấm nước silicon với loại đèn đạt tiêu chuẩn IP65

### Phạm vi sử dụng

Sử dụng trong nhiều không gian: nhà cửa, quán cà phê, nhà hàng, khách sạn, ... thường kết hợp với đèn Led âm trần, hoặc ốp vào tường thạch cao, gỗ... Được sử dụng linh hoạt với mục đích trang trí, hỗ trợ chiếu sáng

Quang thông 90Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 6-18W, góc chiếu 120°, IP21-65, CRI85+



Kết hợp cùng thanh nhôm định hình để tạo nên những thiết kế sáng tạo, độc đáo và hiện đại





## STLO2N



Mã sản phẩm	STLO2N-2835-006
Công suất (W/m)	6
Chip LED	Chip 2835/ 120
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (Roy)	5M
Quang thông (Lm/m)	480
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	12
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STLO2N-2835-012
Công suất (W/m)	12
Chip LED	Chip 2835/ 144
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (Roy)	5M
Quang thông (Lm/m)	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	12
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STLO2N-2835-018
Công suất (W/m)	18
Chip LED	Chip 2835/ 168
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (Roy)	5M
Quang thông (Lm/m)	1440
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	12
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## STL07



Mã sản phẩm	STL07-2835-009	STL07-2835-016
Công suất (W/m)	9	16
Chip LED	Chip 2835/ 120	Chip 2835/ 240
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (Roy)	5M	5M
Quang thông (Lm/m)	720	1280
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	12	12
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## STL08



Mã sản phẩm	STL08-COB-012
Công suất (W/m)	12
Chip LED	COB/ 480
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (Roy)	5M
Quang thông (Lm/m)	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VDC)	12
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## STL09



Mã sản phẩm	STL09-2835-006	STL09-2835-012
Công suất (W/m)	6	12
Chip LED	Chip 2835/ 120	Chip 2835/ 144
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	W.18*H.7	W.18*H.7
Quang thông (Lm/m)	480	960
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VDC)	24	24
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## STL10



Mã sản phẩm	STL010-2835-009
Công suất (W/m)	9
Chip LED	Chip 2835/ 100
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	W.14*H.7
Quang thông (Lm/m)	720
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



### 13. Led Driver

Led Driver điều chỉnh dòng điện xoay chiều điện áp cao, thành dòng điện một chiều điện áp thấp. Led Driver cũng bảo vệ đèn Led khỏi biến động điện áp hoặc dòng điện. Một sự thay đổi điện áp có thể gây ra thay đổi dòng điện đang được cung cấp cho đèn Led



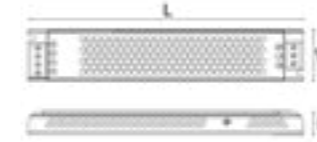
### Danh mục sản phẩm Led Driver



ADT02

255

## ADT02



Mã sản phẩm	ADT02-060
Công suất (W)	60
Điện áp vào (VAC)	180-265
Điện áp ra (VDC)	12
Kích thước phủ bì (mm)	L.128*W.34,5*H.25,5
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60
Tần số điện lưới (Hz)	50/60

Mã sản phẩm	ADT02-100
Công suất (W)	100
Điện áp vào (VAC)	180-265
Điện áp ra (VDC)	12
Kích thước phủ bì (mm)	L.148*W.34,5*H.25,5
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60
Tần số điện lưới (Hz)	50/60

Mã sản phẩm	ADT02-150
Công suất (W)	150
Điện áp vào (VAC)	1180-265
Điện áp ra (VDC)	12
Kích thước phủ bì (mm)	L.168*W.48,5*H.25,5
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60
Tần số điện lưới (Hz)	50/60

Mã sản phẩm	ADT02-200
Công suất (W)	200
Điện áp vào (VAC)	180-265
Điện áp ra (VDC)	12
Kích thước phủ bì (mm)	L.168*W.48,5*H.25,5
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60
Tần số điện lưới (Hz)	50/60

Mã sản phẩm	ADT02-300
Công suất (W)	300
Điện áp vào (VAC)	180-265
Điện áp ra (VDC)	12
Kích thước phủ bì (mm)	L.198*W.48,5*H.25,5
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60
Tần số điện lưới (Hz)	50/60

Mã sản phẩm	ADT02-400
Công suất (W)	400
Điện áp vào (VAC)	180-265
Điện áp ra (VDC)	12
Kích thước phủ bì (mm)	L.228*W.48,5*H.25,5
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60
Tần số điện lưới (Hz)	50/60



## 14. Profile



## Danh mục sản phẩm Profile



TNU01

261



TNA01

262



TNV01

263



TSU01

264



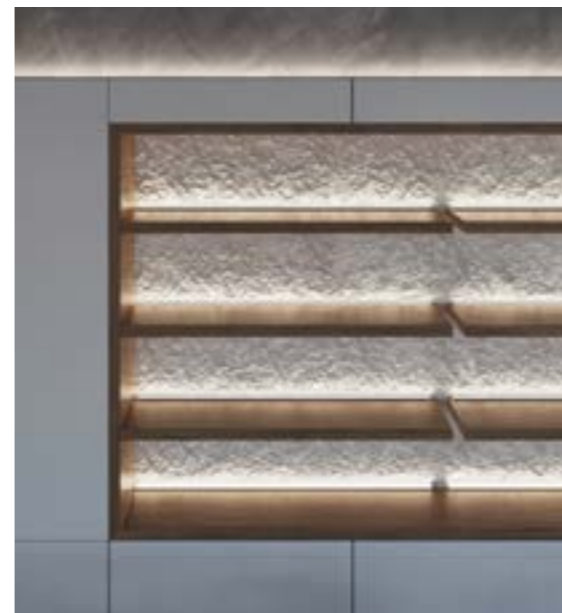
TSA01

265



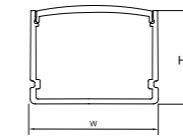
Thanh Profile định hình là sản phẩm để thỏa sức sáng tạo, khẳng định dấu ấn riêng với những ý tưởng độc nhất. Không chỉ là thanh nhôm được đúc từ nhôm nguyên khối mà còn là dạng silicon có thể uốn cong và định hình ở bất cứ hình dáng nào và lắp đặt ở mọi không gian chiếu sáng

Sản phẩm thanh Profile định hình phù hợp lắp đặt vào các vị trí khó trong nhà như kệ tủ, các góc nhà, phòng ăn, cầu thang, ... Với góc chiếu sáng rộng hơn, diện tích chiếu sáng sẽ lớn hơn và ánh sáng sẽ tỏa ra đều hơn





## TNU01



<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-1707</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.17*H.7

<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-1712</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.17*H.12

<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-1714</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.17*H.14

<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-2013</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.20*H.13

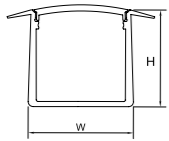
<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-2020</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.20*H.20

<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-2410</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.24*H.10

<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-3010</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.30*H.10

<b>Mã sản phẩm</b>	<b>TNU01-3020</b>
<b>Chất liệu</b>	Nhôm nguyên chất
<b>Kích thước khoét lỗ (mm)</b>	n/a
<b>Kích thước phủ bì (mm)</b>	L.1000*W.30*H.20

## TNA01



Mã sản phẩm	<b>TNA01-2206</b>
Chất liệu	Nhôm nguyên chất
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.16*H.5
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.22*H.6

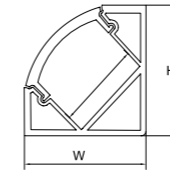
Mã sản phẩm	<b>TNA01-3010</b>
Chất liệu	Nhôm nguyên chất
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.22*H.9
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.30*H.10

Mã sản phẩm	<b>TNA01-2507</b>
Chất liệu	Nhôm nguyên chất
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.17*H.5
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.25*H.7

Mã sản phẩm	<b>TNA01-4420</b>
Chất liệu	Nhôm nguyên chất
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.30*H.19
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.44*H.20

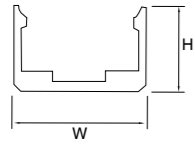
Mã sản phẩm	<b>TNA01-2512</b>
Chất liệu	Nhôm nguyên chất
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.17*H.7
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.25*H.12

## TNV01



Mã sản phẩm	<b>TNV01-1616</b>	<b>TNV01-1818</b>
Chất liệu	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	W.16*H.16	W.18*H.18

## TSU01



Mã sản phẩm	TSU01-1212
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.12*H.12

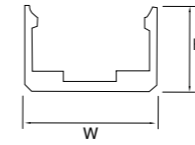
Mã sản phẩm	TSU01-3020
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.30*H.20

Mã sản phẩm	TSU01-2014
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.20*H.14

Mã sản phẩm	TSU01-5025
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.50*H.25

Mã sản phẩm	TSU01-2020
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.20*H.20

## TSA01



Mã sản phẩm	TSA01-2117
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.16*H.16
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.21*H.17

Mã sản phẩm	TSA01-5721
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.50*H.20
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.57*H.21

Mã sản phẩm	TSA01-2415
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.20*H.14
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.24*H.15

Mã sản phẩm	TSA01-3518
Chất liệu	Silicon
Kích thước khoét lỗ (mm)	W.30*H.17
Kích thước phủ bì (mm)	L.1000*W.35*H.18

## 15. Led Profile

Đèn Profile - đèn Led định hình ngoài việc làm đèn chiếu sáng thì còn là vật liệu trang trí hết sức độc đáo. Với sự đa dạng về kích thước đèn Led Profile - đèn Led định hình đã góp phần nâng tầm chiếu sáng trở thành nghệ thuật. Thổi hồn vào không gian sống

Thiết kế hiện đại, từng đường nét sắc sảo, từng đường cong uyển chuyển hài hòa. Sử dụng cho cả không gian có diện tích nhỏ và không gian rộng mang đến ánh sáng đẹp tạo sự thoải mái, tôn lên sự sang trọng và tinh tế cho không gian trang trí



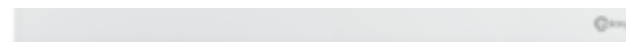
## Danh mục sản phẩm Led Profile



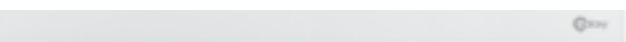
LPT01 270



LPT02 271



LPA01 272



LPA02 273

## Đặc trưng của đèn Led Profile

Quang thông 90Lm/W, CCT 3000K-6000K  
Công suất 24-45W, Góc chiếu 90°, CRI85+



### Cấu tạo

Đèn Profile thả trần thường gồm các bộ phận chính như: chip Led và bản mạch, thanh nhôm, tấm tán sáng, cáp thả đèn và dây dẫn. Các bộ phận đều được gắn kết chắc chắn, đảm bảo cho sự hoạt động ổn định và nét thẩm mỹ liền mạch của đèn

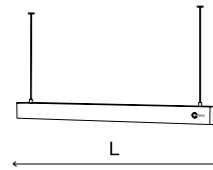
### Ánh sáng

Đèn Led Profile tạo ra ánh sáng trung thực, không bị chói lóa và có một dải màu sắc rộng từ gam nóng đến gam lạnh (từ 3000-6000K). Đèn có thể phát ra hầu hết những màu cơ bản hoặc có sự pha trộn ánh sáng đa dạng, do đó phù hợp với nhiều mục đích, nhu cầu sử dụng cũng như môi trường trang trí khác nhau

### Phạm vi sử dụng

Đèn Profile đang là sự lựa chọn tối ưu nhất cho các không gian nhà hàng, quán coffee, văn phòng hiện đại, ... Không chỉ là nét đẹp thẩm mỹ nhẹ nhàng, tinh tế các mẫu đèn profile còn là nguồn cung cấp ánh sáng chất lượng, có lợi cho đôi mắt người sử dụng

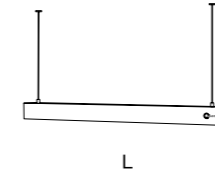
## LPT01



Mã sản phẩm	LPT01-024	LPT01-035	LPT01-045
Công suất (W)	24	35	45
Chip LED	Chip 2835	Chip 2835	Chip 2835
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1200*W.50*H.50	L.1800*W.50*H.50	L.2400*W.50*H.50
Quang thông (Lm)	2160	3150	4050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



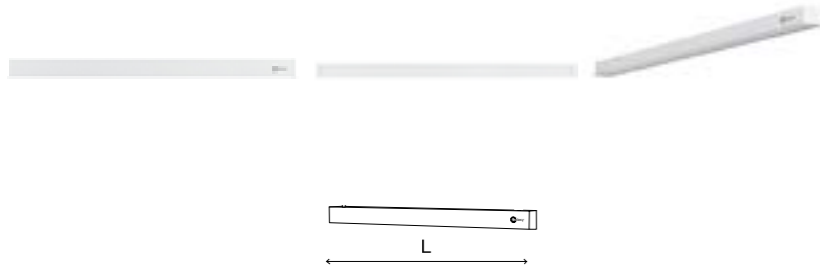
## LPT02



Mã sản phẩm	LPT02-024	LPT02-035	LPT02-045
Công suất (W)	24	35	45
Chip LED	Chip 2835	Chip 2835	Chip 2835
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.1200*W.50*H.70	L.1800*W.50*H.70	L.2400*W.50*H.70
Quang thông (Lm)	2160	3150	4050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



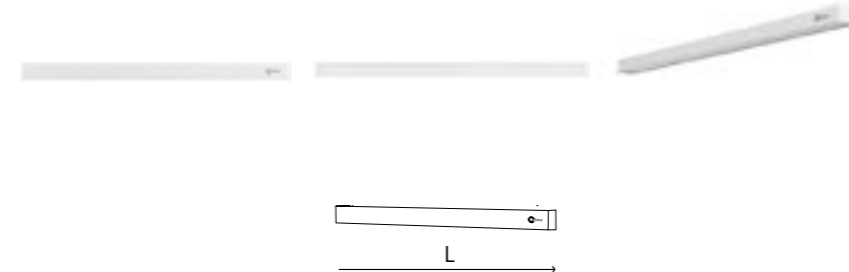
## LPA01



Mã sản phẩm	LPA01-024	LPA01-035	LPA01-045
Công suất (W)	24	35	45
Chip LED	Chip 2835	Chip 2835	Chip 2835
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.1180*W.50*H.36	L.1780*W.50*H.36	L.2380*W.50*H.36
Kích thước phủ bì (mm)	L.1200*W.65*H.36	L.1800*W.65*H.36	L.2400*W.65*H.36
Quang thông (Lm)	2160	3150	4050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## LPA02



Mã sản phẩm	LPA02-024	LPA02-035	LPA02-045
Công suất (W)	24	35	45
Chip LED	Chip 2835	Chip 2835	Chip 2835
Kích thước khoét lỗ (mm)	L.1180*W.70*H.32	L.1780*W.70*H.32	L.2380*W.70*H.32
Kích thước phủ bì (mm)	L.1200*W.90*H.32	L.1800*W.90*H.32	L.2400*W.90*H.32
Quang thông (Lm)	2160	3150	4050
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất	Nhôm nguyên chất
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240	170-240	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



## 16. Led Flood Light



Là giải pháp chiếu sáng Led thay thế đèn Metal, halide, đèn cao áp Sodium Dòng đèn Led Pha ra đời để đáp ứng nhu cầu chiếu sáng ngoài trời với thiết kế bền bỉ, chịu được các tác động từ bên ngoài như mưa gió, bụi, các va đập mạnh. Sử dụng công nghệ chip Led COB công suất lớn phát ra ánh sáng với cường độ cao

Đèn có công suất chiếu sáng cao nên có khả năng tạo góc chiếu sáng rộng. Trong quá trình lắp đặt sản phẩm bởi cấu tạo của sản phẩm thường to, lượng ánh sáng có thể truyền đến môi trường với lượng lớn, đáp ứng được nhu cầu chiếu sáng trong không gian rộng lớn

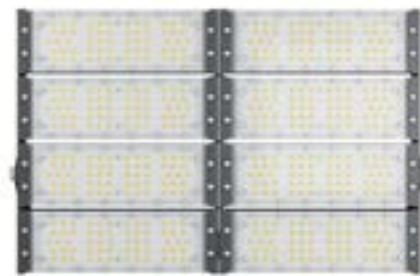
## Danh mục sản phẩm FLO



FLO02 282



FLO09 283

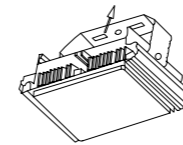


FLO12 284

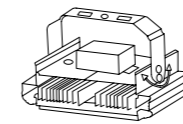


FLO13 285

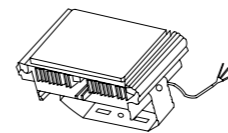
## Quy trình lắp đặt



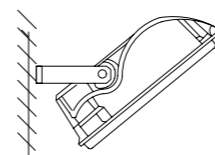
Bước 1: gắn cố định chân đèn



Bước 2: xoay góc đèn phù hợp



Bước 3: kết nối với nguồn điện



Bước 4: lắp đặt đèn vào vị trí cần lắp



## Đặc trưng của đèn Led Flood Light

### Cấu tạo

Đèn Led pha bao gồm các bộ phận cấu thành: chip Led, vỏ đèn, bộ nguồn. Vỏ đèn pha được thiết kế làm bằng nguyên vật liệu chính là thép, sử dụng công nghệ sơn tĩnh điện lên trên bề mặt, giúp bảo vệ và làm đèn hoạt động được dưới các tác động của môi trường như mưa gió, nắng nóng, các tác nhân khác của thời tiết

### Chip Led

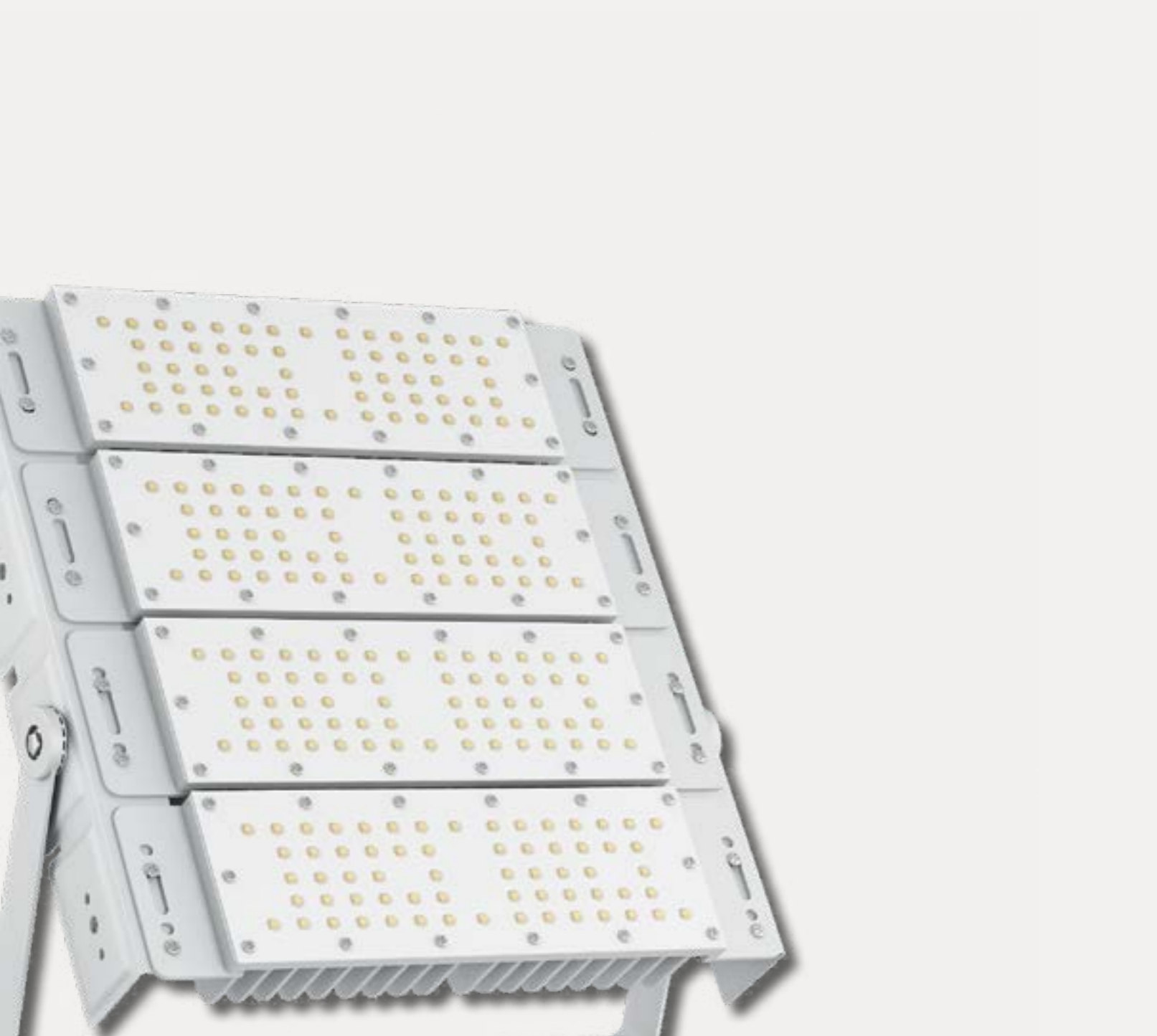
Sử dụng các dòng chip led chất lượng cao, đạt chuẩn châu Âu IP66 nên có thể hoạt động tốt ở hầu hết các môi trường bên ngoài, mà không cần sử dụng các phụ kiện khác hỗ trợ

### Phạm vi sử dụng

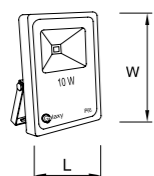
Với những đặc điểm mạnh như thế, đèn pha ngoài trời ngày càng được sử dụng rộng rãi tại nhiều địa điểm khác nhau như: tòa nhà, đường hầm, sân vận động hay trang trí chiếu cây, đèn pha biển quảng cáo,... đều mang lại những giá trị ánh sáng thích hợp

Quang thông 90-135Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 10-600W, Góc chiếu 60-90°, IP66, CRI85+





## FLO02

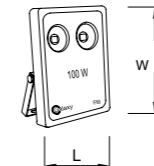


Mã sản phẩm	FLO02-010
Công suất (W)	10
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L120*W.128*H.50
Quang thông (Lm)	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	FLO02-050
Công suất (W)	50
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.280*W.260*H.55
Quang thông (Lm)	4500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## FLO09

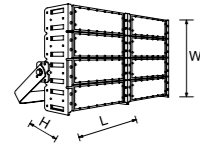


Mã sản phẩm	FLO09-100
Công suất (W)	100
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.335*W.285*H.90
Quang thông (Lm)	9000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	FLO09-400
Công suất (W)	400
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L670*W.345*H.190
Quang thông (Lm)	36000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## FLO12

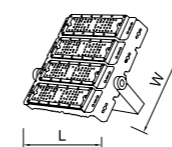


Mã sản phẩm	FLO12-050
Công suất (W)	50
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.90*W.280*H.120
Quang thông (Lm)	4500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	FLO12-200
Công suất (W)	200
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.360*W.280*H.120
Quang thông (Lm)	18000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## FLO13



Mã sản phẩm	FLO13-150
Công suất (W)	150
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.350*W.410*H.75
Quang thông (Lm)	20250
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	180-305
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 40 đến 60

Mã sản phẩm	FLO13-400
Công suất (W)	400
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.410*W.708*H.75
Quang thông (Lm)	54000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	180-305
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 40 đến 60



Mã sản phẩm	FLO13-100
Công suất (W)	100
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.350*W.250*H.75
Quang thông (Lm)	13500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	180-305
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 40 đến 60

Mã sản phẩm	FLO13-250	FLO13-300
Công suất (W)	250	300
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.350*W.485*H.75	L.350*W.708*H.75
Quang thông (Lm)	33750	40500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	180-305	180-305
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 40 đến 60	- 40 đến 60

Mã sản phẩm	FLO13-500	FLO13-600
Công suất (W)	500	600
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.485*W.708*H.75	L.560*W.708*H.75
Quang thông (Lm)	67500	81000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	180-305	180-305
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 40 đến 60	- 40 đến 60

## 17. Led High Bay Light



Giải pháp chiếu sáng cho nhà xưởng, nhà kho, các công trình xây dựng,... Đèn xưởng Led Highbay cho nguồn ánh sáng lớn, tuổi thọ ánh sáng cao, độ suy giảm ánh sáng thấp, vì vậy thích hợp cho sử dụng chiếu sáng cho nhà xưởng cần nguồn ánh sáng phù hợp để làm việc

Cường độ chiếu sáng cao, phạm vi rộng, đặc biệt đèn xưởng Highbay có chụp chống chói ở đầu bóng nên không gây chói mắt cho công nhân, giúp nâng cao hiệu suất lao động

## Danh mục sản phẩm HIB



HIB01

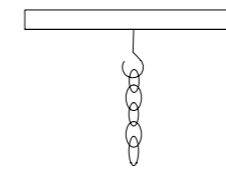
292



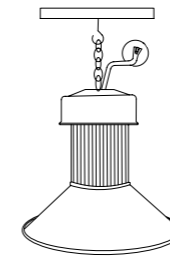
HIB02

293

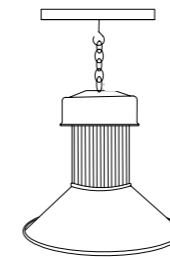
## Quy trình lắp đặt



Bước 1: cố định móc đèn trên trần



Bước 2: nối dây nguồn điện vào nguồn điện



Bước 3: kiểm tra lại đèn và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led High Bay Light



Quang Thông 90Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 50-200W, Góc chiếu 90-120°, IP21, CRI85+

### Cấu tạo

Mạch in của bộ đèn: được thiết kế phù hợp với môi trường và nhiệt độ của từng vùng miền. Bộ phận tản nhiệt. Bộ nguồn cung cấp: để đảm bảo nguồn điện ra vào được đảm bảo và ổn định  
Vỏ đèn: phải được thiết kế với độ chống thấm nước cao, và có độ khuếch tán ánh sáng nhạy

### Công suất

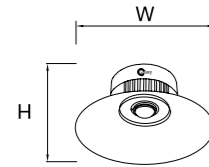
Đa dạng về công suất: đèn Led nhà xưởng có công suất thấp nhất là 50W lên đến hơn 200W

### Góc chiếu

Góc chiếu đa dạng: tùy theo địa hình và khu vực cần chiếu sáng, cho nên đèn Led nhà xưởng có góc chiếu đa dạng từ 60°, 90°, 120°



## HIB01

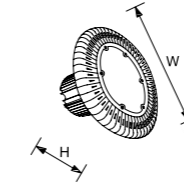


Mã sản phẩm	HIB01-050
Công suất (W)	50
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø400*H.210
Quang thông (Lm)	4500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	HIB01-200
Công suất (W)	200
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø500*H.400
Quang thông (Lm)	18000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## HIB02



Mã sản phẩm	HIB02-050
Công suất (W)	50
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø270*H.170
Quang thông (Lm)	4500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

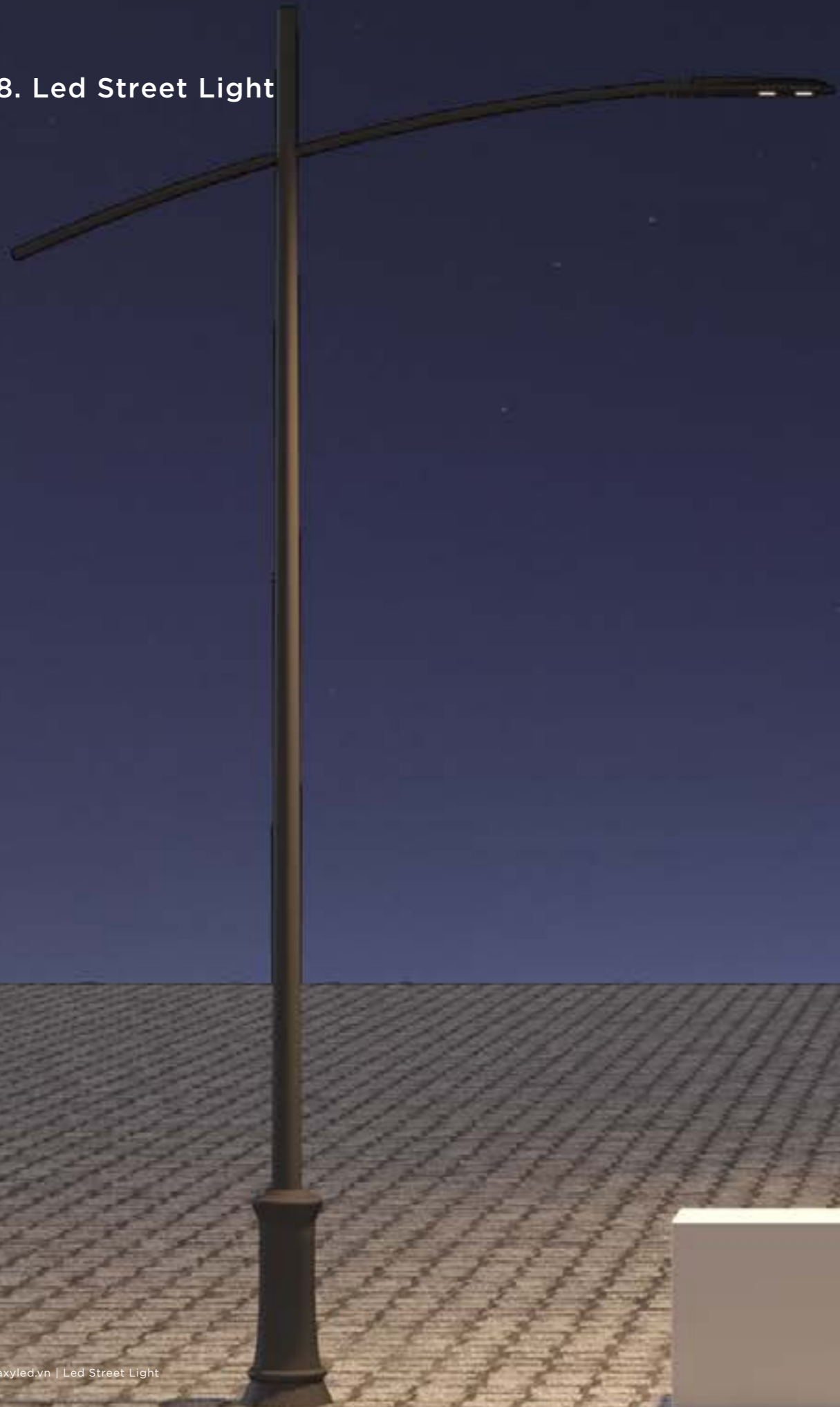
Mã sản phẩm	HIB02-150
Công suất (W)	150
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø380*H.210
Quang thông (Lm)	13500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



Mã sản phẩm	HIB02-070
Công suất (W)	70
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø270*H.170
Quang thông (Lm)	6300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	HIB02-100
Công suất (W)	100
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø270*H.170
Quang thông (Lm)	9000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	170-240
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

## 18. Led Street Light



Là giải pháp chiếu sáng cho đường phố và đô thị lớn. Thiết kế mang tính công năng độc đáo, là sự kết hợp giữa các thành phẩm linh kiện cao cấp mang lại hiệu quả tản nhiệt tốt, đảm bảo hoạt động bền bỉ liên tục trong thời gian dài



Thiết bị được thiết kế theo tiêu chuẩn IP66 hỗ trợ chức năng chống sốc, chịu lực tác động, chịu nước, bật sáng nhanh chóng và dải nhiệt độ màu sáng tối phân biệt rõ rệt giúp cho người đi đường, di chuyển, tham gia hoạt động ngoài trời quan sát dễ dàng, thoải mái. Đèn đường Led không chứa các chất độc hại như chì hay thủy ngân nên an toàn cho sức khỏe. Đèn ít tỏa nhiệt góp phần giảm lượng CO2 thải ra môi trường nên đèn rất thân thiện và không gây ô nhiễm môi trường

## Danh mục sản phẩm STR



STR01

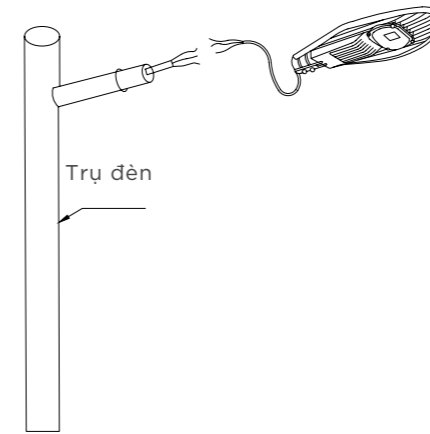
300



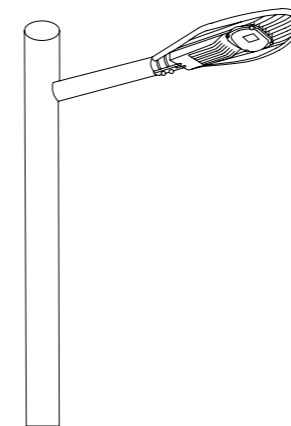
STR02

301

## Quy trình lắp đặt



Bước 1: đấu nối dây điện vào nguồn điện



Bước 2: vặn ốc cố định đèn vào trụ đèn.  
Điều chỉnh góc và sử dụng

## Đặc trưng của đèn Led Street Light

### Cấu tạo

Thân đèn Led được đúc bằng nhôm nguyên chuyên dụng. Đèn có khả năng chịu lực, tản nhiệt tốt, kéo dài được thời gian sử dụng hơn bình thường. Toàn bộ mặt ngoài thân đèn đều được sơn tĩnh điện, vừa chống gỉ, chống bám bụi tốt

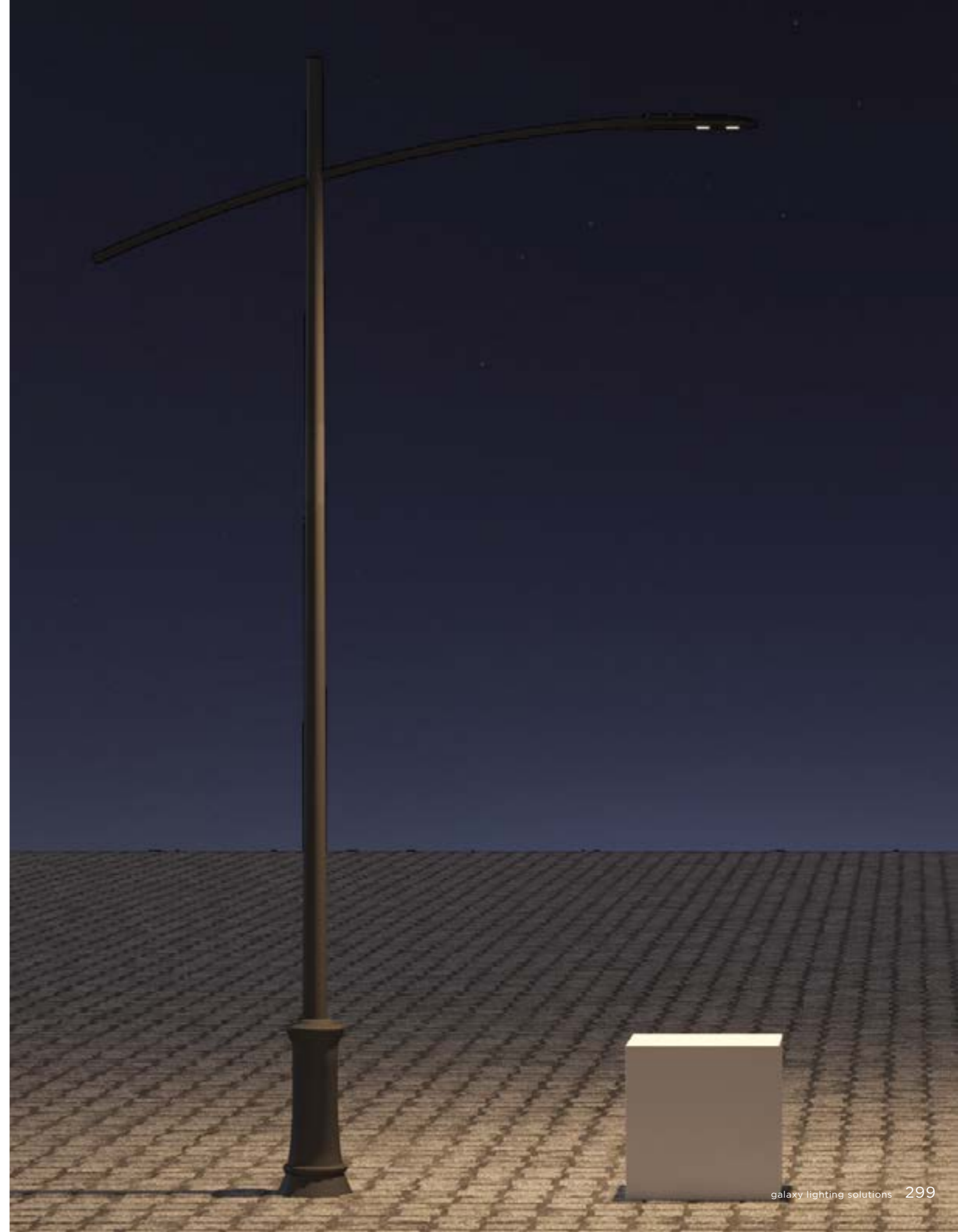
### Chip led

Đèn đường chủ yếu sử dụng hai loại chip Led là COB và SMD tùy thuộc vào nhu cầu và vị trí, không gian chiếu sáng mà người dùng có thể chọn loại chip phù hợp

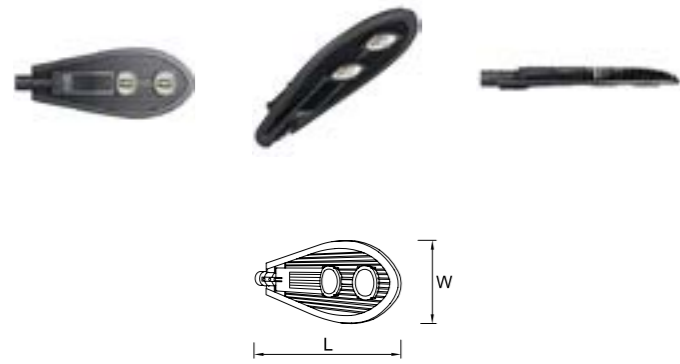
### Phạm vi sử dụng

Đèn đường Led được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực chiếu sáng từ dân dụng đến chiếu sáng công nghiệp. Những khu vực yêu cầu loại bóng đèn với công suất cao. Chiếu sáng đường phố và đô thị lớn

Quang Thông 90-150Lm/W, CCT 3000 - 6000K  
Công suất 50-200W, Góc chiếu 130°, IP66, CRI85+



## STR01



Mã sản phẩm	STR01-050
Công suất (W)	50
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.510*W.230*H.80
Quang thông (Lm)	4500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STR01-150
Công suất (W)	150
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.950*W.358*H.90
Quang thông (Lm)	13500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

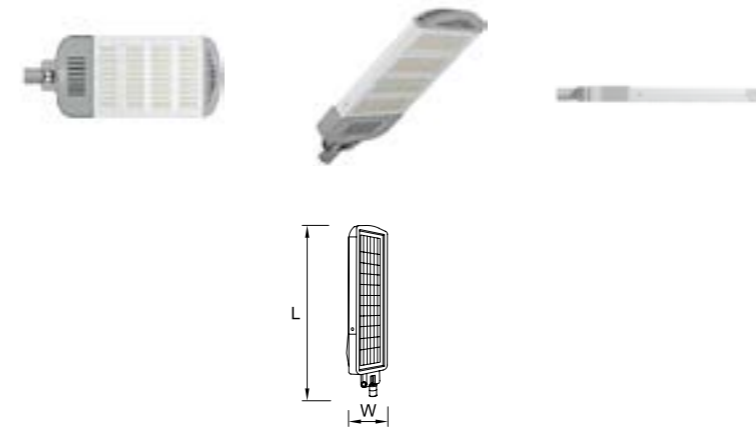
Mã sản phẩm	STR01-070
Công suất (W)	70
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.620*W.260*H.80
Quang thông (Lm)	6300
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STR01-200
Công suất (W)	200
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.950*W.358*H.90
Quang thông (Lm)	18000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STR01-100
Công suất (W)	100
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.720*W.280*H.80
Quang thông (Lm)	9000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## STR02



Mã sản phẩm	STR02-100
Công suất (W)	100
Chip LED	Philips
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.580*W.315*H.90
Quang thông (Lm)	9000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STR02-200
Công suất (W)	200
Chip LED	Philips
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.780*W.315*H.90
Quang thông (Lm)	18000
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STR02-120
Công suất (W)	120
Chip LED	Philips
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.680*W.315*H.90
Quang thông (Lm)	10800
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	STR02-150
Công suất (W)	150
Chip LED	Philips
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.680*W.315*H.90
Quang thông (Lm)	13500
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	100-270
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## 19. Landscape Lighting

Đèn Led sân vườn là loại đèn dùng để chiếu sáng ngoài trời với mục đích chủ yếu của nó là để trang trí cho những không gian mà nó thấp sáng

Đèn Led sân vườn không chỉ dùng để chiếu sáng mà còn góp phần tạo nên sự sang trọng, ấm áp cho không gian ngoại thất của bạn nhưng cũng không kém phần nổi bật và mang tính thẩm mỹ cao

Đây là dòng đèn khá đa dạng về kiểu dáng, mẫu mã và thường được sử dụng để trang trí, chiếu sáng ở lối đi, hàng rào,... mang đến giá trị thẩm mỹ cao, tô điểm thêm cho không gian khu vườn

## Danh mục sản phẩm LAS





LAS10

308



LAS11

309



LAS12

310



LAS13

311



LAS14

312



## Đặc trưng của đèn Landscape Lighting



### Cấu tạo

Thiết kế kiểu dáng chắc chắn kết hợp cùng với những tấm kính hoặc nhựa mica giúp đèn đảm bảo được tính khép kín, nhờ có vậy mà nước mưa, bụi bẩn hay côn trùng không thể nào xâm nhập vào bên trong đèn. Đảm bảo cho hệ thống đèn led bên trong hoạt động tốt

### Kích thước

Kích thước chung của các đèn trụ sân vườn hình nấm thường dao động từ 0.3-0.9m. Thiết kế luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn IP54 nên được nhiều người dùng lựa chọn

### Phạm vi sử dụng

Với thiết kế và thông số kỹ thuật trên, đèn trụ sân vườn thích hợp lắp đặt khu vực ngoại thất ở nhiều công trình đa dạng như: khách sạn, biệt thự, nhà hàng, trường học, công viên

Quang thông 90Lm/W, CCT 3000-6000K  
Công suất 10-15W, góc chiếu 120°, IP54, CRI80+





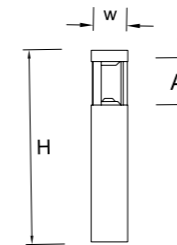
Ánh sáng từ đèn sẽ tạo ra những hiệu ứng ánh sáng độc đáo kết hợp cùng màn đêm, tăng thêm sự hấp dẫn và sự sống động cho các khu vực được chiếu sáng, cũng như tiếp thêm ánh sáng để có thể dễ dàng di chuyển hơn.



Với thiết kế đơn giản nhưng không kém phần sang trọng, đèn trụ sân vườn hòa quyện cùng với cảnh quan của sân vườn làm cho không gian sân vườn về đêm trở nên lung linh, lãng mạn hơn



## LAS01



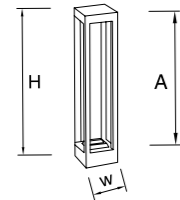
Mã sản phẩm	LAS01-010-300
Công suất (W)	10
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.200*W.120*H.300
Quang thông (Lm)	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	LAS01-010-600
Công suất (W)	10
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.200*W.120*H.600
Quang thông (Lm)	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60

Mã sản phẩm	LAS01-010-900
Công suất (W)	10
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.200*W.120*H.900
Quang thông (Lm)	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



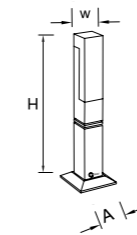
## LAS02



Mã sản phẩm	LAS02-010-300	LAS02-010-600	LAS02-010-900
Công suất (W)	10	10	10
Chip LED	Epistar	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.250*W.110*H.300	A.550*W.110*H.600	A.850*W.110*H.900
Quang thông (Lm)	900	900	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



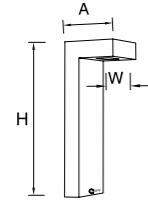
## LAS03



Mã sản phẩm	LAS03-010-300	LAS03-010-600	LAS03-010-900
Công suất (W)	10	10	10
Chip LED	Epistar	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.110*W.50*H.300	A.110*W.50*H.600	A.110*W.50*H.900
Quang thông (Lm)	900	900	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



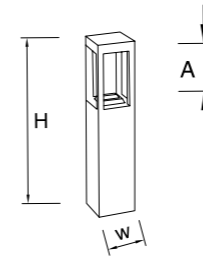
## LAS04



Mã sản phẩm	LAS04-010-1000	LAS04-015-1000
Công suất (W)	10	15
Chip LED	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.200*W.150*H.1000	A.200*W.200*H.1000
Quang thông (Lm)	900	1350
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



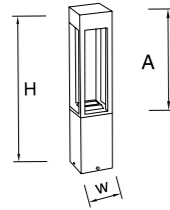
## LAS05



Mã sản phẩm	LAS05-010-300	LAS05-010-600	LAS05-010-900
Công suất (W)	10	10	10
Chip LED	Epistar	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.200*W.120*H.300	A.200*W.120*H.600	A.200*W.120*H.900
Quang thông (Lm)	900	900	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



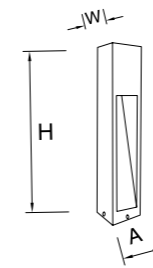
## LAS06



Mã sản phẩm	LAS06-010-600	LAS06-010-900
Công suất (W)	10	10
Chip LED	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.400*W.120*H.600	A.700*W.120*H.900
Quang thông (Lm)	900	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



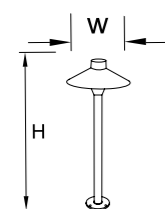
## LAS07



Mã sản phẩm	LAS07-010-450	LAS07-010-600
Công suất (W)	10	10
Chip LED	Epistar	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	A.120*W.120*H.450	A.120*W.120*H.600
Quang thông (Lm)	900	900
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



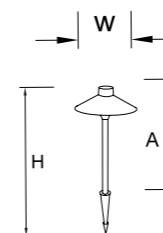
## LAS08



Mã sản phẩm	LAS08-007-550
Công suất (W)	7
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	ø90
Kích thước phủ bì (mm)	ø200*H.550
Quang thông (Lm)	630
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



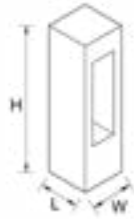
## LAS09



Mã sản phẩm	LAS09-007-770
Công suất (W)	7
Chip LED	Epistar
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	ø200*A.550*H.770
Quang thông (Lm)	630
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## LAS10



Mã sản phẩm	LAS10-10-450	LAS10-10-600
Công suất (W)	10	10
Chip LED	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.120*W.120*H.450	L.120*W.120*H.600
Quang thông (Lm)	450	450
Nhiệt độ màu (K)	3000; 4000; 6000	3000; 4000; 6000
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60



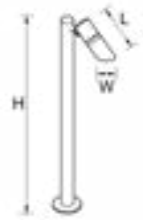
## LAS11



Mã sản phẩm	LAS11-012-400	LAS11-012-600	LAS11-012-900
Công suất (W)	12	12	12
Chip LED	Cree	Cree	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a	n/a	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.200*W.120*H.400	L.200*W.120*H.600	L.200*W.120*H.900
Quang thông (Lm)	360	360	360
Nhiệt độ màu (K)	3000; 6500	3000; 6500	3000; 6500
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000	50,000	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265	110-265	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60	50/60	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60	- 30 đến 60	- 30 đến 60



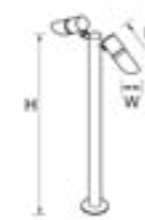
## LAS12



Mã sản phẩm	LAS12-010-800
Công suất (W)	10
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.190*W.65*H.800
Quang thông (Lm)	380
Nhiệt độ màu (K)	3000; 6500
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



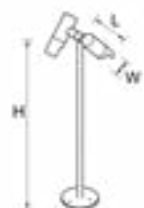
## LAS13



Mã sản phẩm	LAS13-020-800
Công suất (W)	2*10
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.190*W.65*H.800
Quang thông (Lm)	760
Nhiệt độ màu (K)	3000; 6500
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## LAS14



Mã sản phẩm	LAS14-010-600
Công suất (W)	2*5
Chip LED	Cree
Kích thước khoét lỗ (mm)	n/a
Kích thước phủ bì (mm)	L.125*W.50*H.600
Quang thông (Lm)	380
Nhiệt độ màu (K)	3000; 6500
Chất liệu	Hợp kim sơn tĩnh điện
Tuổi thọ (giờ)	50,000
Điện áp vào (VAC)	110-265
Tần số điện lưới (Hz)	50/60
Nhiệt độ làm việc (°C)	- 30 đến 60



## Phụ lục kỹ thuật



**Chỉ số chống nước**  
Không bảo vệ chống lọt nước, sử dụng trong nhà



**Chỉ số chống nước**  
Bảo vệ chống sự phun nước theo mọi hướng



**Chỉ số chống nước**  
Bảo vệ chống tia nước từ mọi hướng



**Chỉ số chống nước**  
Bảo vệ chống nước xâm nhập khi ngâm trong nước với độ sâu nhỏ hơn 1m



**Chỉ số chống nước**  
Bảo vệ chống nước xâm nhập khi ngâm trong nước với độ sâu lớn hơn 1m



**Góc chiếu sáng**  
Đèn có nhiều góc chiếu sáng để lựa chọn: 10, 15, 24, 36, 60, 90, 120 độ



**Dimming**  
Đèn có khả năng điều chỉnh độ sáng bằng Dimmer



**Chỉ số hoàn màu (CRI)**  
Chỉ số phản ánh độ trung thực của màu sắc vật được chiếu sáng



**Chỉ số lật góc**  
Tính năng độc đáo có thể lật được hướng khác nhau

